

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

Trụ sở: Số 168, KP 11, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (061) 629 1081 Fax: (061) 629 1082

Website: www.cuongthuan.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2015

ĐẦU TƯ DỰ ÁN BOT | THI CÔNG XÂY DỰNG | CUNG CẤP SẢN PHẨM BÊ TÔNG ĐÚC | TRẠM BÊ TÔNG NHỰA NÓNG | KHAI THÁC VÀ MUA BÁN



NỘI DUNG

	TRANG
THÔNG TIN CHUNG	01
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	13
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	31
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	37
QUẢN TRỊ CÔNG TY	41
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	49

THÔNG TIN CHUNG



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

Tên nước ngoài: CUONG THUAN IDICO DEVELOPMENT INVESTMENT CORPORATION

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3600459834 thay đổi lần thứ 08 vào ngày 29 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp

Vốn điều lệ: 329.999.970.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 329.999.970.000 đồng

Địa chỉ trụ sở chính: Số 168, KP 11, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: (061) 629 1081 **Fax:** (061) 629 1082

Website: www.cuongthuan.vn **Email:** cuongthuan@cuongthuan.vn

Mã cổ phiếu: CTI

Niêm yết tại: Sở Giao dịch Chứng Khoán TP.Hồ Chí Minh (HOSE)

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

03/05/2000

Công ty TNHH Cường Thuận chính thức hoạt động với vốn điều lệ ban đầu là 4.621.860.000 đồng.

19/09/2007

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

06/12/2007

Công ty cổ phần Cường Thuận gia nhập thành viên Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và khu công nghiệp Phía Nam.

10/01/2008

CTCP Cường Thuận chính thức gia nhập thành viên của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam; đổi tên thành CTCP Đầu tư Phát Triển Cường Thuận IDICO.

07/12/2007

Công ty cổ phần Cường Thuận được tiếp nhận là công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam.

19/03/2010

Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO chính thức được niêm yết trên Sàn Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 150.000.000.000 đồng.

30/01/2015

CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO chính thức giao dịch 17.999.997 cổ phiếu phát hành thêm tại SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh, tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng lên 329.999.970.000 đồng.

NHỮNG THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

Với những nỗ lực không ngừng của Cường Thuận IDICO trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm và chất lượng phục vụ trên thị trường, Cường Thuận IDICO đã nhận được nhiều bằng khen cũng như giải thưởng từ nhiều tổ chức, hiệp hội như:

- ♦ Giấy chứng nhận thương hiệu Việt cho sản phẩm bê tông nhựa nóng Cường Thuận do Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Việt Nam cấp;
- ♦ Giấy chứng nhận thương hiệu Việt cho sản phẩm cống thoát nước Cường Thuận do Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Việt Nam cấp;
- ♦ Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 do Tổng Cục Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng cấp;
- ♦ Giấy chứng nhận là thành viên thương hiệu Việt;
- ♦ Cúp Vàng thương hiệu Việt sản phẩm Bê tông nhựa nóng;
- ♦ Cúp Vàng thương hiệu Việt sản phẩm cống thoát nước.

Tất cả những bằng khen, giải thưởng ở trên đã khẳng định vị trí tiên phong của Cường Thuận IDICO trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng ở Việt Nam.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

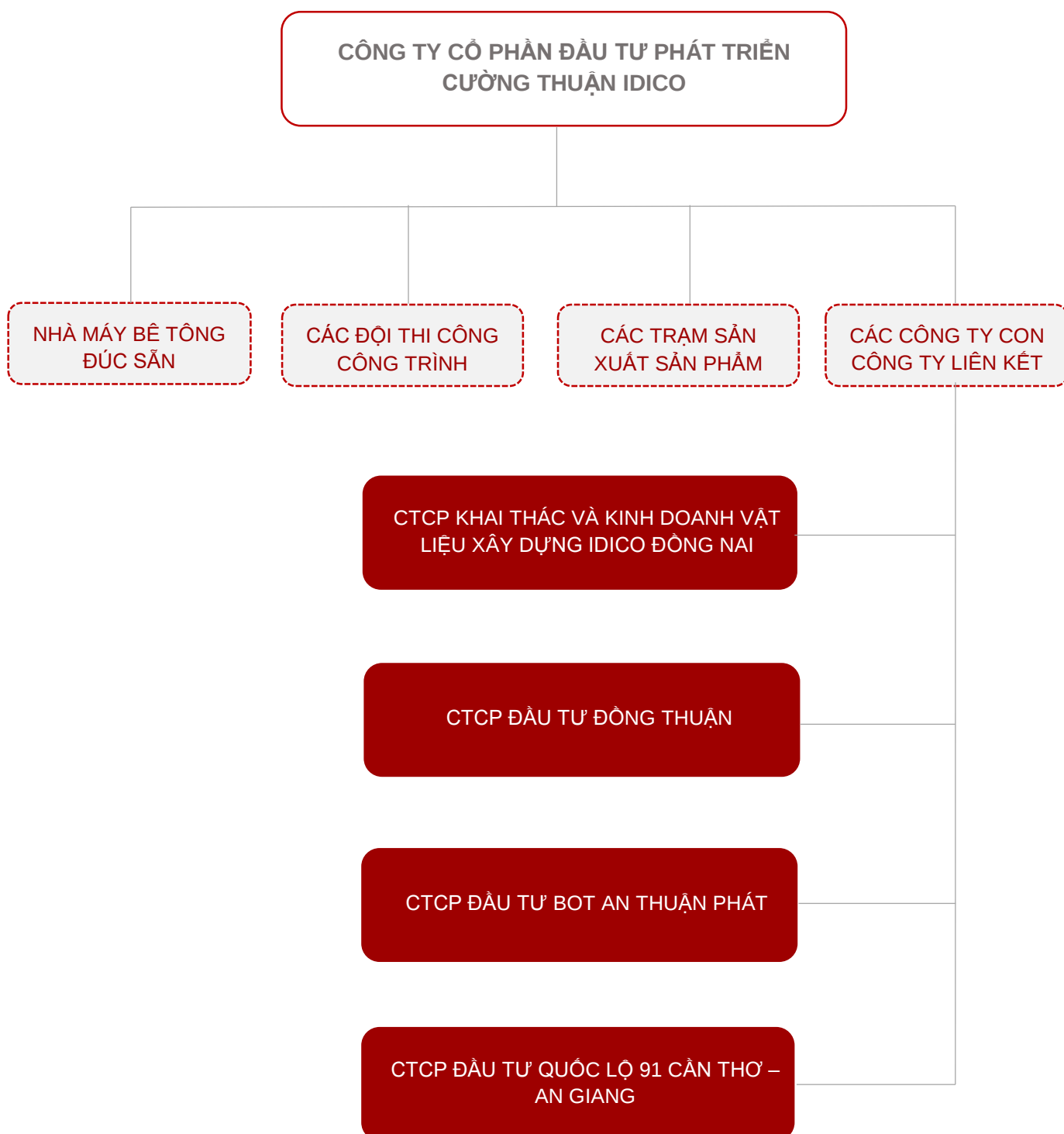
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- ♦ Xây dựng công trình đường bộ và công trình theo phương thức B.O.T (bao gồm dự án B.O.T sửa chữa lớn tỉnh lộ 16 (ĐT 760) thành phố Biên Hòa – Đồng Nai);
- ♦ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- ♦ Sản xuất các loại bê tông nhựa nóng (không sản xuất tại trụ sở);
- ♦ Kinh doanh bất động sản;
- ♦ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ♦ Xây dựng nhà các loại;
- ♦ Lắp đặt hệ thống điện;
- ♦ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- ♦ Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- ♦ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- ♦ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- ♦ Xây dựng công trình công ích;
- ♦ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- ♦ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- ♦ Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- ♦ Và các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 08.

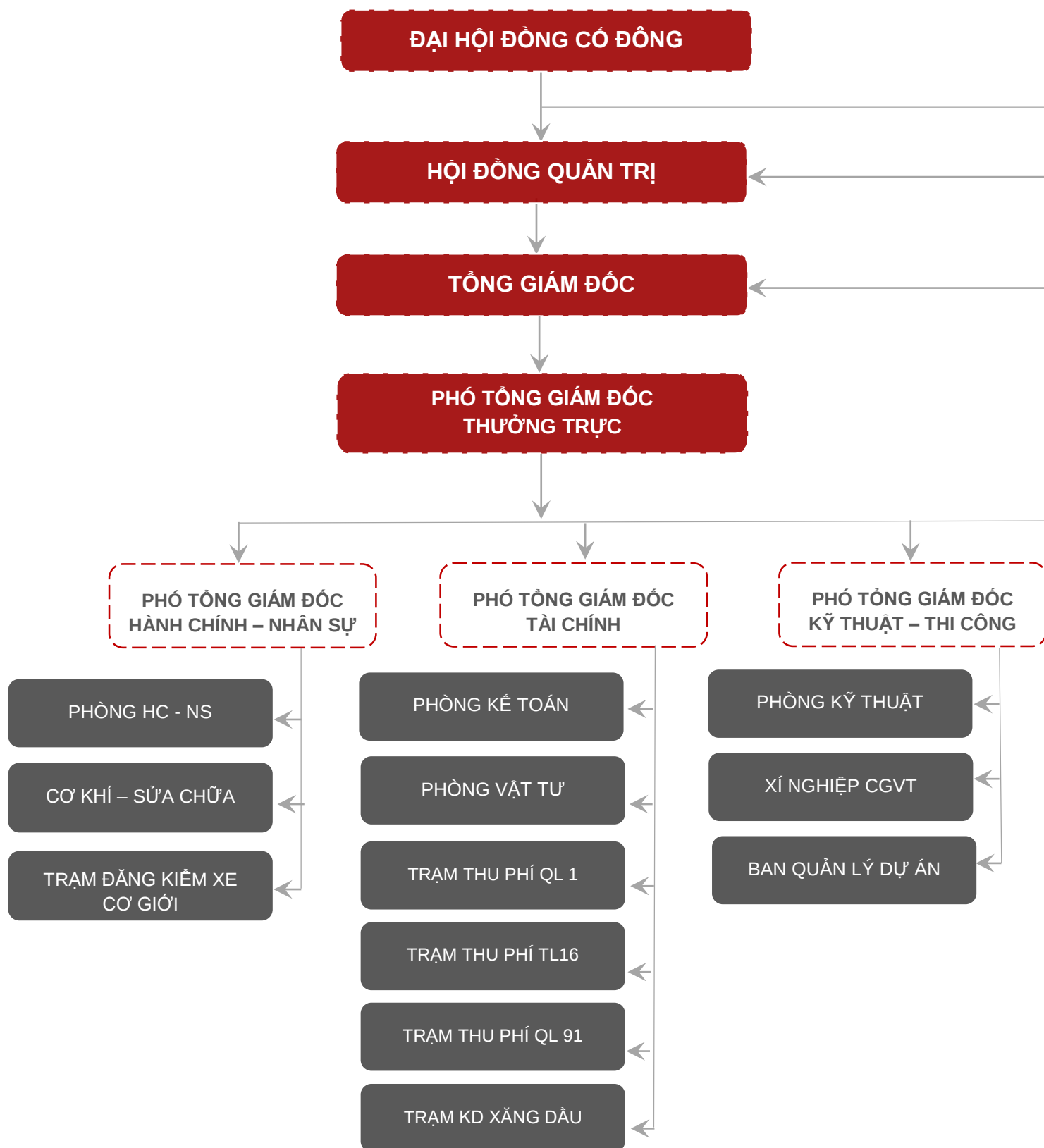
ĐỊA BÀN KINH DOANH CHÍNH

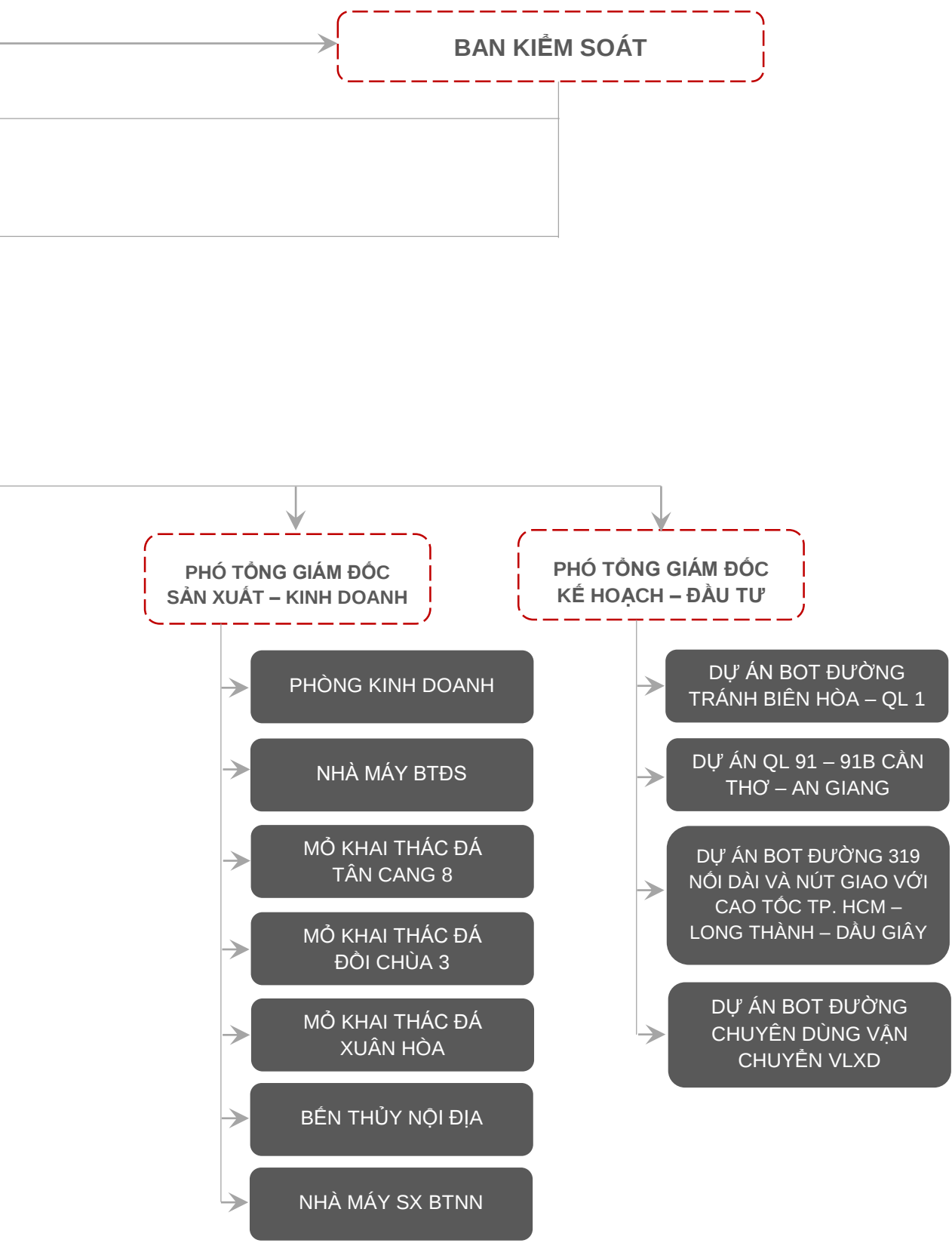
Cường Thuận IDICO có hoạt động kinh doanh chủ yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các tỉnh, thành phố trực thuộc khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Đông Nam Bộ là vùng có kinh tế phát triển nhất Việt Nam, dân số đông và dẫn đầu cả nước về đầu tư nước ngoài, GDP, cũng như nhiều yếu tố xã hội khác. Vốn thu hút nước ngoài của khu vực này dẫn đầu cả nước nổi bật ở các tỉnh: Đồng Nai, Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Thông tin	Tỷ lệ
Công ty con		
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỒNG THUẬN Địa chỉ: Số 315, Đường Võ Nguyên Giáp, Xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai Vốn điều lệ: 305.000.000.000 Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư xây dựng khai thác kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (BOT); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi	Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 83,10% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 83,10%
2	CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ KINH DOANH VLXD IDICO ĐỒNG NAI Địa chỉ: Lầu 1, Số 168, Khu phố 11, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng Ngành nghề kinh doanh: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (khai thác cát ngoài tỉnh); Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông	Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 55,78% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 60%
3	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC LỘ 91 CẦN THƠ – AN GIANG Địa chỉ: Số 315, Đường Võ Nguyên Giáp, Xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai Vốn điều lệ: 282.000.000.000 Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình giao thông; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo phương thức hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT)); Xây dựng nhà các loại, công trình kỹ thuật dân dụng khác; Dịch vụ thu phí giao thông	Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 59,57% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 59,57%
Công ty liên kết		
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BOT AN THUẬN PHÁT Địa chỉ: Số 315, Đường Võ Nguyên Giáp, Xã Phước Tân, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình giao thông (theo phương thức hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao BOT)	Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 30% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 30%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TÂM NHÌN

Với phương châm ***“Tất cả, để khách hàng hài lòng”***, Cường Thuận IDICO phấn đấu nỗ lực hết mình trở thành một thương hiệu hàng đầu tại Việt nam về sản phẩm vật liệu xây dựng và thi công xây dựng.

SỨ MỆNH

- ◆ Bằng chất lượng sản phẩm, công trình và dịch vụ toàn diện, chúng tôi mang lại sự hài lòng cho khách hàng trên mọi phân khúc thị trường.
- ◆ Xây dựng công trình chất lượng tốt, giá trị thẩm mỹ cao, tạo nền tảng hạ tầng cơ sở cho sự phát triển địa phương, thay đổi diện mạo đất nước.
- ◆ Mang lại giá trị gia tăng cho các cổ đông, xây dựng đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên và đem lại các lợi ích cho xã hội.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Phát triển sản phẩm

- ◆ Cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng, tiết kiệm chi phí cho việc giảm giá thành sản phẩm và nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm chủ lực.
- ◆ Phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường trong lĩnh vực xã hội hóa giao thông, xây dựng hạ tầng xã hội.
- ◆ Tập trung ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực khai khoáng (mỏ đá, mỏ cát), lĩnh vực kinh doanh xăng dầu đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- ◆ Gắn liền phát triển doanh nghiệp với bảo vệ môi trường.

Phát triển thị trường

- ◆ Chủ động tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định
- ◆ Phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa
- ◆ Tìm kiếm cơ hội xuất khẩu sản phẩm sang thị trường các quốc gia lân cận.

CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Theo Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2015 là 6,68%, chỉ số CPI năm 2015 là 0,63%, cho thấy dấu hiệu khả quan của nền kinh tế ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp. Tuy nhiên sự tăng trưởng này chưa vững chắc, cân đối Ngân sách Nhà nước còn nhiều khó khăn, nguồn thu giảm không đáp ứng được đầy đủ yêu cầu chi cho đầu tư phát triển...

Cũng như bao ngành khác, ngành xây dựng cũng chịu ảnh hưởng từ sự điều chỉnh của chu kỳ kinh tế. Trong một giai đoạn nhất định, khi nền kinh tế phát triển trì trệ sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng và ngành kinh doanh sản xuất vật liệu xây dựng nói chung. Tuy nhiên, với tiềm năng tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam như hiện nay, cũng như tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp cơ sở hạ tầng, có thể nhận định rằng, rủi ro về kinh tế không phải là một rủi ro lớn đối với hoạt động của Công ty.

RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Là một công ty niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán, ngoài chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, hoạt động của Công ty còn chịu sự ảnh hưởng của Luật Chứng khoán và các văn bản luật liên quan. Không chỉ vậy, hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và khai thác, buôn bán vật liệu xây dựng, Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO còn chịu ảnh hưởng trực tiếp của các bộ Luật chuyên ngành. Năm 2015, Bộ Xây dựng đã ban hành một số bộ Luật và Nghị định mới như Nghị định hướng dẫn Luật xây dựng 2014, 05 Nghị định hướng dẫn Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản 2014... Hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, trong quá trình đó sự thay đổi về mặt chính sách, pháp luật sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối chủ trương của Đảng và Nhà Nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh cho phù hợp.

RỦI RO KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO hiện nay chủ yếu tập trung vào thi công các hạng mục cơ sở hạ tầng. Dây chuyền sản xuất ống cống bê tông quay ép, rung ép và xưởng sản xuất bê tông nhựa nóng hiện đã đưa vào sản xuất ổn định. Đây không thật sự là một sự hạn chế đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO bởi những nguyên nhân sau:

- ◆ Bên cạnh việc kinh doanh sản xuất cung cấp các sản phẩm bê tông, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO đang triển khai tham gia đầu tư một số lĩnh vực truyền thống của Công ty cũng như lĩnh vực khác có tiềm năng như: đầu tư xây dựng tuyến Quốc lộ, hệ thống trạm xăng dầu, địa ốc, khai thác vật liệu xây dựng...
- ◆ Ngoài ra, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO đang đẩy mạnh phát triển, đồng thời củng cố năng lực để tham gia đầu tư và thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu công nghiệp, khu dân cư đô thị ở tỉnh Đồng Nai, khu vực TP.Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận khác. Hiện tại, các dự án đang mang lại nguồn thu lớn tạo sự phát triển ổn định cho Công ty. Trong tương lai, dự kiến sẽ đem lại doanh thu

ổn định bền vững lâu dài cho Công ty. Với những lý do trên, thì những rủi ro kinh doanh hạn chế tiềm năng phát triển của Công ty cũng được giảm thiểu đáng kể.

RỦI RO CẠNH TRANH

Ngành sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng là ngành có tiềm năng phát triển rất lớn nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực này. Với xu hướng mở cửa hội nhập kinh tế nên đối thủ cạnh tranh của Công ty không chỉ là các doanh nghiệp trong nước mà còn cả các doanh nghiệp nước ngoài với tiềm lực tài chính rất mạnh.

Tuy nhiên, với lợi thế về thương hiệu, khả năng chớp thời cơ, đầu tư công nghệ hiện đại nhất nhì ở các Tỉnh phía Nam Việt Nam thời điểm hiện nay, trình độ quản lý cùng với tiềm lực về tài chính, Công ty hoàn toàn có thể tự tin vào khả năng cạnh tranh của mình trước các đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước. Nhìn chung, việc ngày càng có nhiều đối thủ cạnh tranh sẽ làm giảm thị phần của Công ty nhưng với những lợi thế sẵn có của mình, Công ty có đủ năng lực để kiểm soát được rủi ro này và từng bước mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (khoảng 40% - 60%) nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty. Giá nguyên vật liệu và hàng hóa biến động liên tục phần lớn xuất phát từ những hàng hóa "trọng điểm" của nền kinh tế đặc biệt là sắt thép, xi măng. Việc biến động này sẽ tác động trực tiếp đến chi phí giá thành của sản phẩm. Ngoài ra tình trạng giá xăng dầu trên thế giới biến động liên tục, đồng nghĩa với việc giá xăng dầu tại Việt Nam cũng đang điều chỉnh theo tình hình chung. Đây là lý do quan trọng ảnh hưởng đến chi phí vận chuyển của Công ty.

Tuy nhiên, hiện nay Công ty đang đầu tư nhiều mỏ khai thác vật liệu đá xây dựng và đã có cây xăng riêng, nhờ đó Công ty có thể chủ động nguồn cung vật liệu đá phục vụ cho việc xây dựng và xăng dầu phục vụ cho việc vận chuyển. Nhìn chung, tại thời điểm hiện tại, rủi ro biến động giá nguyên vật liệu không phải là một rủi ro lớn đối với Công ty.

RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Với đặc thù kinh doanh của mình, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty yêu cầu sử dụng một lượng lớn vốn vay nhằm tài trợ cho các hợp đồng xây dựng. Trong những năm qua, sự suy thoái của nền kinh tế đã khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn vốn để duy trì và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh vì chi phí lãi vay cao so với khả năng chi trả của Doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong năm 2015, lãi suất cho vay đã giảm xuống ở mức 7-8%/năm cho kì hạn ngắn và khoảng 9-10%/năm cho trung và dài hạn nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước cân bằng lại hoạt động Công ty.

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy...

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

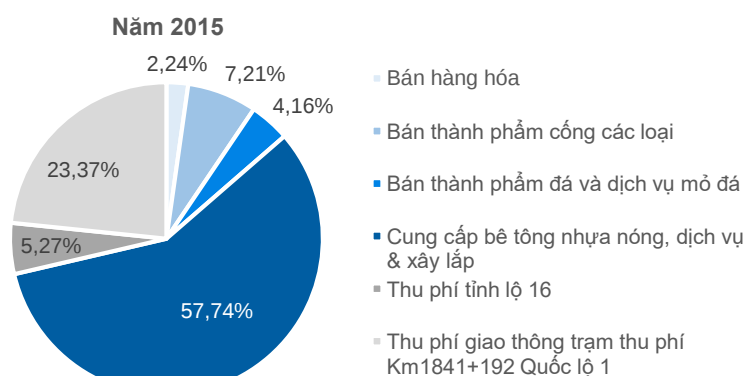
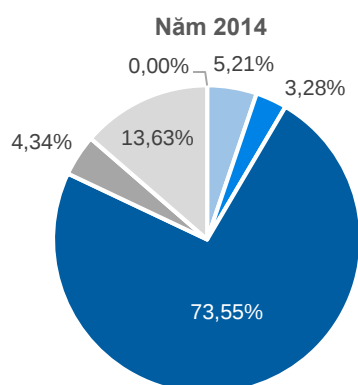
Chỉ tiêu	TH2014	TH2015	TH2015/ TH2014	TH2014	TH2015	KH2015	TH 2015/ KH 2015	TH 2015/ TH 2014
Doanh thu thuần về bán hàng và cc dịch vụ	722.300	829.693	114,87%	614.579	640.960	500.000	128,19%	104,29%
Lợi nhuận trước thuế	59.088	85.493	144,69%	45.257	53.624	-	-	118,49%
Lợi nhuận sau thuế	49.617	73.355	147,84%	38.017	41.723	40.000	104,31%	109,75%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	2.879	1.953	67,84%	-	-	-	-	-
Theo BCTC hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán				Theo Báo cáo tài chính Công ty mẹ 2015 đã kiểm toán và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015				

(ĐVT: triệu đồng)

Năm 2015, tình hình kinh tế trong nước có nhiều chuyển biến tích cực với kinh tế vĩ mô ổn định, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,68% so với năm 2014, cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao nhất trong 5 năm trở lại đây, chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) năm 2015 tăng 0,63% so với bình quân năm 2014 là mức tăng thấp nhất trong 14 năm trở lại đây và lạm phát cơ bản bình quân chỉ tăng 2,05% so với năm trước. Trong bối cảnh đó, ngành xây dựng đã duy trì được sự tăng trưởng theo kế hoạch đề ra, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu cho giai đoạn 5 năm 2011 - 2015. Nhìn chung, năm 2015 là một năm tương đối thuận lợi đối với ngành xây dựng khi chính sách lãi suất ngân hàng điều chỉnh giảm giúp cho các doanh nghiệp tiếp cận được vốn vay, giá vật liệu xây dựng tiếp tục ổn định cùng với sự ấm lên của thị trường bất động sản tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các dự án, công trình.

Trước những thuận lợi đó, năm 2015 hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO đạt được nhiều kết quả ấn tượng. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ cả năm đạt 829,7 tỷ đồng, tăng gần 15% so với năm 2014. Lợi nhuận trước thuế đạt 85,5 tỷ đồng, tăng 44,7% so với cùng kỳ năm trước và lợi nhuận sau thuế đạt 73,4 tỷ đồng, tăng 47,8% so với cùng kỳ năm trước. (Riêng Công ty mẹ, Doanh thu thuần cả năm về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt xấp xỉ 641 tỷ đồng, tăng 4,29% so với năm 2014 và vượt mục tiêu đề ra 28,19%; Lợi nhuận sau thuế đạt 41,7 tỷ đồng, tăng 9,75% so với năm trước và vượt 4,31% so với mục tiêu đề ra). Nguyên nhân của việc tăng trưởng doanh thu là do trong năm Công ty có thêm doanh thu từ mảng bán hàng hóa, đồng thời doanh thu từ mảng thu phí tỉnh lộ 16 và mảng thu phí giao thông tại trạm thu phí Km184+192 Quốc lộ 1 tăng đáng kể.

STT	Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		Tỷ lệ năm 2015 so với năm 2014
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
1	Bán hàng hóa	0	0,00%	18.618	2,24%	-
2	Bán thành phẩm công các loại	37.596	5,21%	59.806	7,21%	159,08%
3	Bán thành phẩm đá và dịch vụ mỏ đá	23.683	3,28%	34.549	4,16%	145,88%
4	Cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp	531.229	73,55%	479.088	57,74%	90,18%
5	Thu phí tỉnh lộ 16	31.331	4,34%	43.745	5,27%	139,62%
6	Thu phí giao thông trạm thu phí Km184+192 Quốc lộ 1	98.461	13,63%	193.888	23,37%	196,92%
Tổng cộng		722.300	829.693	100,00%	100,00%	114,87%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH VÀ SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Ông **Nguyễn Xuân Quang** – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- ♦ Ngày sinh : 02/12/1962
- ♦ Nơi sinh : Thanh Hóa
- ♦ Quốc tịch : Việt Nam
- ♦ Địa chỉ thường trú : 168, Khu phố 11, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- ♦ Trình độ văn hóa : 12/12
- ♦ Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cầu đường
- ♦ Quá trình công tác
 - Từ 03/1993 đến 06/2000 : Phụ trách đội xe cơ giới Công ty An Bình – BQP
 - Từ 06/2000 đến 09/2004 : Giám đốc Xí nghiệp thi công cơ giới Công ty An Bình – BQP
 - Từ 09/2004 đến 05/2005 : Phó giám đốc Công ty An Bình - BQP
 - Từ 05/2005 đến 03/2008 : Cán bộ Quân đoàn 4 – BQP
 - Từ 03/2008 đến 04/2009 : Cố vấn HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
 - Từ 04/2009 đến 02/2012 : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
 - Từ ngày 27/02/2013 : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
- ♦ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
- ♦ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Đồng Thuận, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thuận Phát và Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần KT và KD VLXD IDICO Đồng Nai
- ♦ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.627.430 cổ phần, chiếm 4,93% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 1.627.430 cổ phần, chiếm 4,93% vốn điều lệ
- ♦ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: 0 cổ phần
- ♦ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 5.533.958 cổ phần.
 - Bà Trương Hồng Loan (Vợ): 4.114.000 cổ phần
 - Ông Nguyễn Xuân Cường (Con): 419.958 cổ phần
 - Bà Nguyễn Thị Ngọc Luyến (Con): 500.000 cổ phần
 - Ông Nguyễn Xuân Quảng (Con): 500.000 cổ phần
- ♦ Các khoản nợ đối với Công ty : không có
- ♦ Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không có
- ♦ Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- ♦ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

2. Bà **Trương Hồng Loan** - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- ♦ Ngày sinh : 1969
- ♦ Nơi sinh : Bến Tre
- ♦ Quốc tịch : Việt Nam
- ♦ Địa chỉ thường trú : 168, Khu phố 11, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- ♦ Trình độ văn hóa : 12/12
- ♦ Trình độ chuyên môn : Quản Trị Kinh Doanh
- ♦ Quá trình công tác
 - Từ 2000 đến 09/2007 : Giám đốc Công ty TNHH Cường Thuận
 - Từ 09/2007 đến 01/2008 : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cường Thuận
 - Từ 01/2008 : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
 - Từ ngày 27/02/2013 đến nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
- ♦ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO.
- ♦ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- ♦ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 4.114.000 cổ phần, chiếm 12,47% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 4.114.000 cổ phần, chiếm 12,47% vốn điều lệ
- ♦ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: 0 cổ phần
- ♦ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 3.053.768 cổ phần
 - Ông Nguyễn Xuân Quang (Chồng) : 1.627.430 cổ phần
 - Ông Nguyễn Xuân Cường (Con) : 419.958 cổ phần
 - Bà Nguyễn Thị Ngọc Luyến (Con): 500.000 cổ phần
 - Ông Nguyễn Xuân Quảng (Con): 500.000 cổ phần
 - Ông Trương Hữu Đông (Anh): 6.380 cổ phần
- ♦ Các khoản nợ đối với Công ty : không có
- ♦ Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không có
- ♦ Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- ♦ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

3. Ông **Nguyễn Văn Khang** - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- ◆ **Ngày sinh** : 17/09/1971
- ◆ **Nơi sinh** : Thái Bình
- ◆ **Quốc tịch** : Việt Nam
- ◆ **Địa chỉ thường trú** : 0602 Tòa nhà Ruby Tower 2, Sài Gòn Pearl, số 91 đường Nguyễn Hữu Cánh, phường 22, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.
- ◆ **Trình độ văn hóa** : 12/12
- ◆ **Trình độ chuyên môn** : Cử nhân Tài chính
- ◆ **Quá trình công tác**
 - Từ 1998 đến 2000 : Kế toán tổng hợp – Công ty An Bình – BQP
 - Từ 2000 đến 05/2005 : Phụ trách kế toán Xí nghiệp thi công cơ giới Công ty An Bình – BQP
 - Từ 06/2005 đến 08/2007 : Phụ trách Xí nghiệp thi công cơ giới Công ty cổ phần An Bình
 - Từ 2005 đến 09/2007 : Phó giám đốc tài chính Công ty TNHH Cường Thuận
 - Từ 09/2007 đến 01/2008 : Phó Tổng giám đốc tài chính Công ty cổ phần Cường Thuận
 - Từ 01/2008 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO, kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ – An Giang
- ◆ **Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc tài chính Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO.
- ◆ **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang; Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Đồng Thuận.
- ◆ **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 440.000 cổ phần, chiếm 1,33% vốn điều lệ.
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 440.000 cổ phần, chiếm 1,33% vốn điều lệ.
- ◆ **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác:** 0 cổ phần
- ◆ **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** 0 cổ phần.
- ◆ **Các khoản nợ đối với Công ty** : không có
- ◆ **Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành** : không có
- ◆ **Hành vi vi phạm pháp luật** : không có
- ◆ **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : không có

4. Ông **Nguyễn Sỹ Phong** - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- ♦ **Ngày sinh** : 02/03/1958
- ♦ **Nơi sinh** : Hà Nội
- ♦ **Quốc tịch** : Việt Nam
- ♦ **Địa chỉ thường trú** : 14 Lý Thường Kiệt, TP Biên Hòa, T Đồng Nai.
- ♦ **Trình độ văn hóa** : 12/12
- ♦ **Trình độ chuyên môn** : Kỹ sư điện tử.
- ♦ **Quá trình công tác**
 - Từ 1979 đến 1988 : Giáo viên khoa tên lửa trường Trung cấp kỹ thuật phòng không
 - Từ 08/1988 đến 06/2003 : Chuyển ngành về Công ty giấy Tân Mai phụ trách bộ phận đo lường và điều khiển tự động. Thường vụ ban chấp hành Công đoàn Công ty. Phó phòng hành chính bảo vệ Công ty
 - Từ 07/2003 đến 2005 : Phó giám đốc Công ty TNHH Cường Thuận
 - Từ 2006 đến 2007 : Phó giám đốc Công ty TNHH DV xử lý môi trường Đồng Nai
 - Từ 11/2007 đến 01/2008 : Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cường Thuận
 - Từ 01/2008 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
- ♦ **Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
- ♦ **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Đồng Thuận, Giám đốc Công ty cổ phần KT và KD VLXD IDICO Đồng Nai.
- ♦ **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 11.000 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 11.000 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.
- ♦ **Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác:** 0 cổ phần.
- ♦ **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:**
 - Nguyễn Thị Kim Duyên (Em): 100.200 cổ phần.
- ♦ **Các khoản nợ đối với Công ty** : không có
- ♦ **Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành** : không có
- ♦ **Hành vi vi phạm pháp luật** : không có
- ♦ **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : không có

5. Ông **Phạm Thanh Quảng** – Phó Tổng Giám đốc

- ♦ Ngày sinh : 1977
- ♦ Nơi sinh : Quảng Bình
- ♦ Quốc tịch : Việt Nam
- ♦ Địa chỉ thường trú : 236 QL51, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- ♦ Trình độ văn hóa : 12/12
- ♦ Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- ♦ Quá trình công tác:
 - Từ 2000 đến 2007 : Nhân viên Kinh doanh Công ty TNHH Cường Thuận
 - Từ 2007 đến 08/2010 : Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Cường Thuận
 - Từ 08/2010 đến nay : Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
- ♦ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO.
- ♦ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: không có
- ♦ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 44.000 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 44.000 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ.
- ♦ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: 0 cổ phần
- ♦ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0 cổ phần
- ♦ Các khoản nợ đối với Công ty : không có
- ♦ Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không có
- ♦ Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- ♦ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

6. Ông **Đới Hùng Cường** – Phó Tổng Giám đốc

- ♦ Ngày sinh : 1977
- ♦ Nơi sinh : Kon Tum
- ♦ Quốc tịch : Việt Nam
- ♦ Địa chỉ thường trú : 303C7 Chung cư An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- ♦ Trình độ văn hóa : 12/12
- ♦ Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cầu đường
- ♦ Quá trình công tác:
 - Từ 2002 đến 2003 : Nhân viên kỹ thuật Công ty Cổ phần Vận Tải Quốc Tế Hoàng Anh
 - Từ 2003 đến 2005 : Nhân viên kỹ thuật Công ty An Bình BQP
 - Từ 2005 đến 09/2007 : Phó phòng kỹ thuật Công ty TNHH Cường Thuận
 - Từ 09/2007 đến 01/2008 : Phó phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Cường Thuận
 - Từ 01/2008 đến 03/2009 : Phó Giám đốc kỹ thuật thi công Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
 - Từ 03/2009 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
- ♦ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO
- ♦ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư khai thác KS VLXD IDICO
- ♦ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.100 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 1.100 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ
- ♦ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: 0 cổ phần
- ♦ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0 cổ phần
- ♦ Các khoản nợ đối với Công ty : không có
- ♦ Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không có
- ♦ Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- ♦ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

7. Ông **Lê Văn Trường** – Phó Tổng Giám đốc

- ◆ Ngày sinh : 1973
- ◆ Nơi sinh : Quảng Bình
- ◆ Quốc tịch : Việt Nam
- ◆ Địa chỉ thường trú : 46 KP III, Phường An Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- ◆ Trình độ văn hóa : 12/12
- ◆ Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế xây dựng và KS cầu đường
- ◆ Quá trình công tác:
 - Từ 1998 đến 2000 : Chuyên viên – Cục Đầu tư Phát triển Đồng Nai
 - Từ 2000 đến 2011 : Chuyên viên – Sở Tài chính Đồng Nai
 - Từ 2011 đến 03/2013 : Giám đốc kỹ thuật Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
 - Từ tháng 03/2013 đến 06/2014 : Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
 - Từ T06/2014 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
- ◆ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
- ◆ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: không có
- ◆ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 3.300 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 3.300 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
- ◆ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: 0 cổ phần
- ◆ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0 cổ phần.
- ◆ Các khoản nợ đối với Công ty : không có
- ◆ Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không có
- ◆ Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- ◆ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

8. Bà **Phạm Mai Thu** – Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

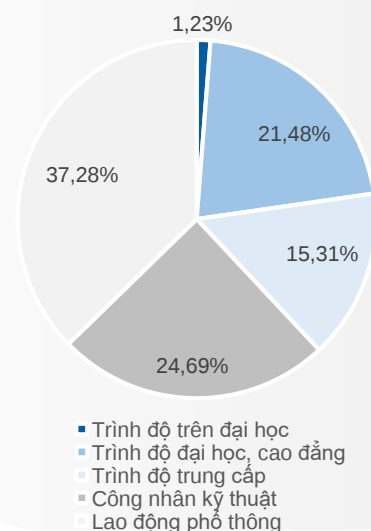
- ♦ Ngày sinh : 28/01/1973
- ♦ Nơi sinh : Nam Định
- ♦ Quốc tịch : Việt Nam
- ♦ Địa chỉ thường trú : Tổ 3, Khu phố 2, Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- ♦ Trình độ văn hóa : 12/12
- ♦ Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- ♦ Quá trình công tác:
 - Từ 1996 đến 1999 : Nhân viên kế toán Công ty TNHH Chăn nuôi Charoen Pokphan Việt Nam
 - Từ 2000 đến 2001 : Quản lý kế toán Công ty TNHH Chăn nuôi Charoen Pokphan Việt Nam
 - Từ 2002 đến 2003 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Chăn nuôi Charoen Pokphan Việt Nam
 - Từ 2004 đến 2008 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Kỹ thuật DD AVIVA
 - Từ 2009 đến 05/2014 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu Tư Đồng Thuận
 - Từ 06/2014 đến nay : Phó Tổng giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
- ♦ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
- ♦ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: không có
- ♦ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 100.000 cổ phần, chiếm 0,3% vốn điều lệ.
- ♦ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: 0 cổ phần
- ♦ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0 cổ phần.
- ♦ Các khoản nợ đối với Công ty : không có
- ♦ Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành : không có
- ♦ Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- ♦ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

CƠ CẤU LAO ĐỘNG

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	405	100,00%
1	Trình độ trên đại học	5	1,23%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	87	21,48%
3	Trình độ trung cấp	62	15,31%
4	Công nhân kỹ thuật	100	24,69%
5	Lao động phổ thông	151	37,28%
II	Theo loại hợp đồng lao động	405	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	120	29,63%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	0	0,00%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	285	70,37%
III	Theo giới tính	405	100,00%
1	Nam	328	80,99%
2	Nữ	77	19,01%

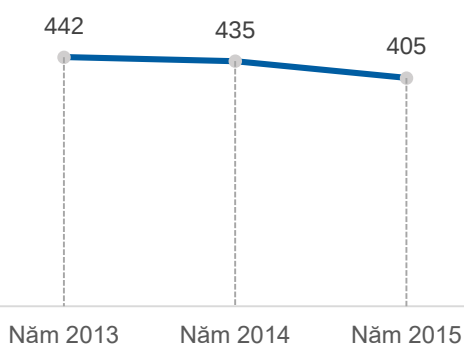
(Tính đến ngày 31/12/2015)

Cơ cấu lao động theo trình độ lao động

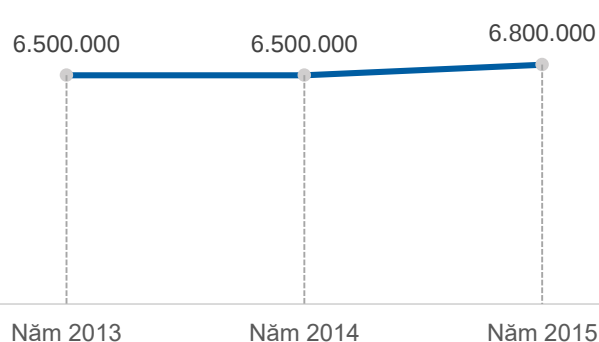


Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ năm 2015 so với năm 2014
Tổng số lượng người lao động (người)	442	435	405	93,10%
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.500.000	6.500.000	6.800.000	104,62%

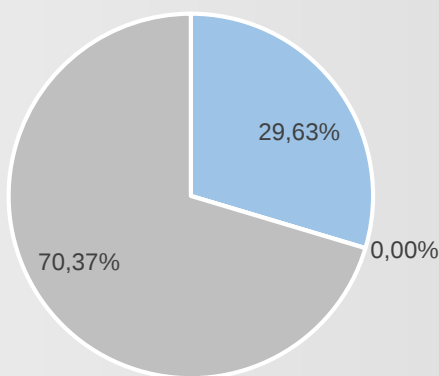
Tổng số lượng người lao động (người)



Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)

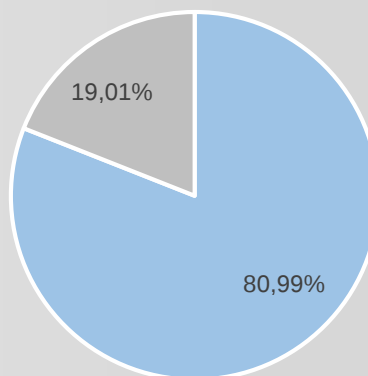


**Cơ cấu lao động
theo hợp đồng lao động**



■ Hợp đồng không thời hạn ■ Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)
■ Hợp đồng xác định từ 1-3 năm

**Cơ cấu lao động
theo giới tính**



■ Nam ■ Nữ

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Về đào tạo

Công ty có các chính sách đào tạo rõ ràng cho từng đối tượng khác nhau. Các quy trình công nghệ, quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm đã được đưa vào chương trình đào tạo thường xuyên cho đội ngũ kỹ sư mới, nhân viên kỹ thuật và công nhân công nghệ. Các kỹ sư hoạt động tự lập, tự tham khảo tài liệu thông qua internet, tích lũy kinh nghiệm thông qua hoạt động hàng ngày. Những thông tin mới được phổ biến truyền đạt thông qua các chuyên đề, thông qua trao đổi email.

Ngoài ra, căn cứ vào nhu cầu đào tạo của từng xí nghiệp - bộ phận, Công ty sẽ tiến hành theo nhiều hình thức như cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng cách kết hợp với các trung tâm, các trường đào tạo. Bên cạnh đó, Công ty còn cử cán bộ ra nước ngoài đào tạo nhằm học hỏi kinh nghiệm phát triển sản phẩm của các nước. Những cán bộ công nhân viên cử đi học đều được Công ty tạo mọi điều kiện về thời gian và chi phí đào tạo.

Thêm vào đó, Công ty còn tổ chức cho cán bộ quản lý tham gia các lớp học ngắn hạn và dài hạn nhằm nâng cao kiến thức quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý nguồn nhân lực phù hợp để đáp ứng quy mô hoạt động ngày càng gia tăng của Công ty.

Với truyền thống nhiều năm cung cấp sản phẩm ra thị trường, Cường Thuận IDICO đã không ngừng củng cố, xây dựng và phát triển văn hóa Công ty đến toàn thể cán bộ công nhân viên bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm mục đích để mọi người xem Cường Thuận IDICO là gia đình thứ hai của mình. Hiện tại, phương châm bản sắc văn hóa mà Ban lãnh đạo Công ty hướng đến là “*Đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu*”.

Về tuyển dụng

Công ty luôn đề cao năng lực của mỗi nhân viên và chào đón các ứng viên muốn gắn bó lâu dài với Công ty, có phong cách làm việc chuyên nghiệp và năng động. Để thu hút nhân tài, Công ty có chính sách lương, thưởng rõ ràng và đặc biệt đối với các nhân viên xuất sắc, nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực đang phụ trách, mặt khác, tạo nên sự gắn kết lâu dài đối với nhân viên, tạo được sức hút nguồn nhân lực giỏi từ mọi nơi về làm việc tại Công ty.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty có chế độ lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, khắc phục tình trạng phân phối bình quân, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CBCNV làm việc hăng say góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để khuyến khích và cải thiện nâng cao thu nhập cho người lao động, Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành các quy chế trả lương, thưởng trong Doanh nghiệp theo tiêu chuẩn riêng của mình. Hiện nay, thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2015 là 6.800.000 đồng/người/tháng, đây là mức thu nhập cao so với các doanh nghiệp khác trong ngành và so với các doanh nghiệp khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Hàng năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên. Đồng thời Công ty luôn trang bị đầy đủ thiết bị và phương tiện bảo vệ cá nhân và bồi dưỡng độc hại cho người lao động theo đúng tiêu chuẩn chức danh công việc.

Ngoài ra, Công ty tổ chức tặng quà cho cán bộ công nhân viên trong ngày quốc tế phụ nữ 8/3 và tặng quà cho cán bộ công nhân viên diện chính sách nhân ngày thương binh liệt sĩ 27/07, ngày thành lập quân đội 22/12... Tham gia các hoạt động xã hội như: tương thân tương ái, giúp đỡ cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo. Đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, thông qua các chương trình văn thể mỹ, tạo không khí vui tươi lành mạnh trong Công ty. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi nghỉ dưỡng, nghỉ mát hàng năm với kinh phí trích từ quỹ phúc lợi.

Môi trường công việc

Các nhân viên được tiếp cận với môi trường làm việc hiện đại, công bằng, năng động và lành mạnh. Tất cả nhân viên làm việc tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO đều có cơ hội được phát huy tối đa khả năng sáng tạo và vốn kiến thức hiểu biết. Những đóng góp, chia sẻ và cống hiến về sức lực, trí tuệ của người lao động luôn được ghi nhận và đánh giá kịp thời.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Dự án BOT Tuyến Quốc lộ 1 đoạn qua Thành phố Biên Hoà

Công tác quyết toán của dự án cơ bản hoàn thành và đang tiến hành kiểm toán Nhà nước và dự kiến hoàn thành trong tháng 06/2016. Hiện dự án đang cho hiệu quả thu hồi vốn khá ổn định và đúng theo lộ trình tài chính đã ký kết hợp đồng với Bộ giao thông.

2. Khu tái định cư Bình Minh 26,0548 ha

Đến nay dự án đã cơ bản hoàn thành, hiện đang bàn giao cho huyện Trảng Bom và hoàn thành trong tháng 04/2016.

3. Khu tái định cư Phước Tân 27,2 ha

Hiện dự án đã giải phóng mặt bằng và thi công xong 26,14 ha/ 27,2 ha và dự kiến sẽ hoàn tất công tác giải phóng mặt bằng trong tháng 04/2016. Trên phần mặt bằng đã có, Công ty đã triển khai thi công và hoàn chỉnh phần hạ tầng theo thiết kế. Dự kiến với phần khối lượng thi công còn lại sẽ được hoàn tất trong tháng 06/2016 và tiến hành bàn giao dự án cho thành phố Biên Hoà trong Quý III/2016.

4. Dự án BOT Quốc Lộ 91 và 91B

Đây là dự án BOT mà Cường Thuận IDICO liên kết với Công ty Sonadezi đầu tư tại Cần Thơ – An Giang. Trong đó tổng vốn đầu tư và tình hình thi công các dự án cụ thể là:

- ♦ Quốc Lộ 91: Có chiều dài toàn tuyến (chưa bao gồm các cầu trên tuyến) khoảng 38 km, tổng vốn đầu tư khoảng 1.420 tỷ đồng. Hiện nay dự án về cơ bản đã hoàn thành và được chấp thuận nghiệm thu đưa vào sử dụng giai đoạn 1 và đã tiến hành thu phí từ ngày 02/04/2016 (Tại trạm thu phí Km16+905).
- ♦ Quốc lộ 91B: Có chiều dài khoảng 15 km (Từ Km0+000 – Km 15+973), tổng vốn đầu tư khoảng 614 tỷ đồng; Công tác thi công đang được đẩy mạnh. Dự kiến sẽ hoàn thành dự án và đưa dự án vào khai thác thu phí trong tháng 07/2016.

5. Dự án BOT đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng

Đây là dự án đầu tư BOT nhằm nâng cấp đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng tại xã Phước Tân và xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa. Toàn tuyến có tổng chiều dài 7,2 km với tổng mức đầu tư trên 200 tỷ đồng. Dự án đang được triển khai với tổng mặt bằng thi công đang thực hiện đạt 3 km/7,2 km. Hiện nay đã có hơn 1,5 km nền đường đã thi công hoàn chỉnh và sẽ thi công phần mặt đường trong tháng 05/2016.

Dự án dự kiến sẽ được hoàn thành trong Quý II/2017 để nghiệm thu đưa vào sử dụng và khai thác thu phí.

6. Dự án BOT nút giao 319 và Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành

Đây cũng là dự án đầu tư BOT, tuyến dự án là đoạn tuyến mới hoàn toàn nối dài từ tỉnh lộ 319 (TL 319) để kết nối vào cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây. Tổng chiều dài tuyến là 2,1km. Tổng mức đầu tư của dự án khoảng 700 tỷ đồng. Dự án hiện đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và dự kiến sẽ triển khai thi công ngay khi có mặt bằng được giao trong Quý III/2016 và hoàn thành trong năm 2017.

7. Dự án khu nhà ở xã hội phường Tam Hòa

Đây là dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Tỉnh Đồng Nai - Phường Tam Hòa – Thành phố Biên Hòa (gần bệnh viện Đa khoa Đồng Nai), dự án có tổng vốn đầu tư vào khoảng 325 tỷ đồng. Hiện nay dự án đã cơ bản hoàn thành các thủ tục đầu tư và đang trong giai đoạn điều chỉnh một số bước thiết kế cơ sở và dự kiến sẽ khởi công và thực hiện trong Quý III/2016.

8. Trạm đăng kiểm cơ giới theo hình thức xã hội hóa

Trạm đăng kiểm cơ giới đã được chấp thuận với tên gọi “Trạm đăng kiểm xe cơ giới 60-05D” có tổng diện tích khoảng 1,5 ha tại xã Phước Tân – Thành phố Biên Hòa. Dự án hiện đã hoàn thành các hạng mục hạ tầng, nhà điều hành, xưởng đăng kiểm và các hạng mục phụ. Dự kiến sẽ lắp đặt thiết bị và hoàn thành và đưa vào khai thác trong tháng 06/2016.

9. Hoạt động kinh doanh xăng dầu – Trạm xăng dầu Cường Thuận IDICO

Đây là trạm xăng dầu nằm trên đường Võ Nguyên Giáp (Xã Phước Tân – Thành phố Biên Hoà) đã được đầu tư hoàn chỉnh và đi vào hoạt động từ đầu năm 2015. Đến nay, trạm đã hoạt động khá tốt với doanh thu năm 2015 đạt 18,62 tỷ và cho lợi nhuận sau thuế đạt 1,97 tỷ đồng. Với xu hướng tăng trưởng của phương tiện giao thông trong khu vực, dự kiến trong năm 2016 doanh thu của trạm vào khoảng 30 tỷ và mức lợi nhuận dự kiến vào khoảng 2,34 tỷ đồng.

10. Hoạt động khai thác đá vật liệu xây dựng tại các mỏ đá

Công ty hiện có 3 mỏ đá đang khai thác bao gồm mỏ đá Tân Cang 8, Mỏ Đá Đồi Chùa 3 (Thiện Tân) và Mỏ đá Xuân Hoà (Xuân Lộc)... Trong năm 2015, tổng sản lượng đá thành phẩm khai thác tại các mỏ đạt hơn 650.000 m³ với tổng doanh thu là 34,55 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1,67 tỷ đồng. Bước sang năm 2016 Công ty sẽ tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị (máy nghiền đá, thiết bị vận chuyển, thiết bị khai thác) để nâng công suất khai thác, đáp ứng nhu cầu thị trường. Dự kiến trong năm 2016 doanh thu từ hoạt động khai thác mỏ đá của Công ty vào khoảng 30 tỷ đồng và cho mức lợi nhuận sau thuế khoảng 2,34 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ năm 2015 so với năm 2014
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	2.544.430	3.281.099	128,95%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	722.300	829.693	114,87%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	58.351	80.009	137,12%
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	738	5.484	743,09%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	59.088	85.493	144,69%
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	49.617	73.355	147,84%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	Chưa thực hiện	15%	

(Theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	0,76	0,53
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,41	0,41
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	78,35%	81,52
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	361,92%	441,04
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,77	5,48
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,34	0,28
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,87	8,84
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,36	12,68
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,30	2,52
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	8,08	9,64

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (tính đến ngày 22/03/2015)

THÔNG TIN CỔ PHIẾU NĂM 2015

Mã cổ phiếu: **CTI**

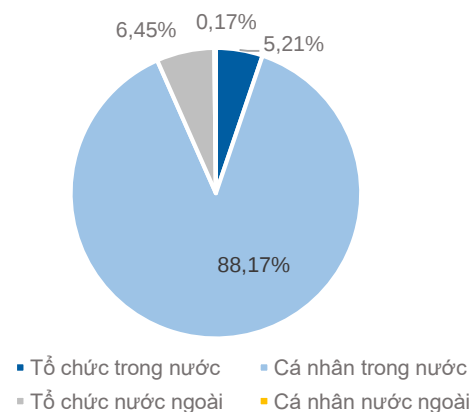
Số lượng cổ phiếu đã phát hành: **32.999.997 cổ phiếu**

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: **32.999.997 cổ phiếu**
- Số lượng cổ phiếu quỹ: **0 cổ phiếu**

Loại cổ phiếu: **cổ phiếu phổ thông**

Mệnh giá cổ phiếu: **10.000/cổ phiếu**

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Cổ đông trong nước	766	30.814.664	308.146.640.000	93,38%
	Cổ đông nhà nước	0	0	-	0,00%
	Cổ đông tổ chức	17	1.718.328	17.183.280.000	5,21%
	Cổ đông cá nhân	749	29.096.336	290.963.360.000	88,17%
2	Cổ đông nước ngoài	11	2.185.333	21.853.330.000	6,62%
	Cá nhân	6	57.493	574.930.000	0,17%
	Tổ chức	5	2.127.840	21.278.400.000	6,45%
3	Cổ phiếu quỹ	0	-	-	0,00%
	Tổng cộng	777	32.999.997	329.999.970.000	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Số lượng (CP)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Trương Hồng Loan	4.114.000	41.140.000.000	12,47%
2	Kingsmead Vietnam and Indochina Growth Master Fund	2.058.000	20.580.000.000	6,24%
3	Nguyễn Văn Thuận	1.855.000	18.550.000.000	5,62%
4	Nguyễn Xuân Hòa	1.779.369	17.793.690.000	5,39%
	Tổng cộng	9.806.369	98.063.690.000	29,72%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thời điểm phát hành	Phương thức phát hành	Đối tượng	Vốn điều lệ trước phát hành (đồng)	Vốn huy động từ việc phát hành (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)
2014	Chào bán ra công chúng	Cổ đông hiện hữu	150.000.000.000	165.000.000.000	329.999.970.000
	Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	Cổ đông hiện hữu		14.999.970.000	

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ 2015/2014
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	2.544.430	3.281.099	128,95%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	722.300	829.693	114,87%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	58.351	80.009	137,12%
4	Lợi nhuận khác	Triệu đồng	738	5.484	743,09%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	59.088	85.493	144,69%
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	49.617	73.355	147,84%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/Cổ phiếu	2.879	1.953	67,84%

(Theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015)

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và tập thể cán bộ, nhân viên Công ty đã cùng nhau đồng lòng, sát cánh, năng động, sáng tạo tìm ra các giải pháp vượt qua khó khăn, đề ra những hướng đi thích hợp để tận dụng được các cơ hội và lợi thế, từ đó hoàn thành các mục tiêu kinh doanh đã đề ra.

Nhìn chung, năm 2015 là một năm tương đối thành công với Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO. Các chỉ tiêu kinh doanh đều đạt cao, điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang phát triển tốt. Đây sẽ là cơ sở thuận lợi để Công ty thực hiện được những mục tiêu và chiến lược đề ra trong giai đoạn tới.

Năm 2015, tổng giá trị tài sản của Công ty đạt 3.281,1 tỷ đồng, tăng 28,95% so với năm 2014. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 829,7 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 15% so với năm 2014. Nguyên nhân của việc tăng này là do trong năm 2015, Công ty có thêm doanh thu từ mảng bán hàng hóa đạt 18,7 tỷ đồng. Bên cạnh đó, doanh thu từ các mảng khác như doanh thu từ bán thành phẩm công các loại, doanh thu từ thành phẩm đá và dịch vụ mỏ đá, doanh thu từ thu phí tỉnh lộ 16 và thu phí giao thông trạm thu phí Km1841+192 Quốc lộ 1 đều tăng, đặc biệt doanh thu từ trạm thu phí Km1841+192 Quốc lộ 1 tăng gần 100%, từ 98,5 tỷ đồng năm 2014 lên 193,9 tỷ đồng năm 2015. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2015 đạt hơn 80 tỷ đồng, bằng 137,12% năm 2014.

Có thể thấy, năm 2015, lợi nhuận khác của Công ty tăng hơn 600%, từ 738 triệu đồng năm 2014, lên 5.484 tỷ đồng. Sự tăng đột biến này là do trong năm Công ty tiến hành thanh lý và nhượng bán một số tài sản cố định và thu về 3.048 triệu đồng. Nhờ đó, cả năm 2015, lợi nhuận trước thuế đạt 85,5 tỷ đồng, tăng 45% và lợi nhuận sau thuế đạt 73,4 tỷ đồng, tăng gần 48% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên do trong năm 2014, Công ty tiến hành phát hành thêm 17.999.997 cổ phiếu và số cổ phiếu này được chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21/01/2015, do đó, số cổ phiếu lưu hành tại thời điểm cuối năm 2015 nhiều hơn số cổ phiếu lưu hành tại thời điểm cuối năm 2014 là 17.999.997 cổ phiếu. Bởi vậy, mặc dù lợi nhuận cả năm tăng nhưng lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 lại giảm, chỉ đạt 1.953 đồng.

CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Đối với Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO, công tác quản trị luôn được đề cao và việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc thúc đẩy năng lực của các bộ phận, phòng ban và cá nhân trong Công ty luôn được coi trọng. Bởi vậy, trong năm Công ty luôn chú trọng việc cải tiến cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý trong Công ty. Cụ thể:

- ◆ Duy trì chính sách nhân sự công bằng và khuyến khích phát triển năng lực và khả năng tiềm ẩn của từng cá nhân.
- ◆ Duy trì chính sách lương thưởng hợp lý cho người lao động nhằm thúc đẩy sự cống hiến.
- ◆ Tăng cường tin học hóa, mô hình hóa hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng sự phát triển của công nghệ thông tin nhằm gia tăng hiệu quả kinh doanh.
- ◆ Thường xuyên tổ chức các lớp học đào tạo kỹ năng cơ bản và nâng cao cho cán bộ công nhân viên nhằm nâng cao tay nghề, chất lượng làm việc của đội ngũ cán bộ công nhân viên

Ngoài ra, trong năm 2015, Công ty còn tiến hành

- ◆ Thành lập mới công ty Cổ phần BOT An thuận Phát đơn vị quản lý dự án BOT đường vận chuyển vật liệu xây dựng chuyên dùng.
- ◆ Thành lập mới chi nhánh kinh doanh xăng dầu.
- ◆ Bổ nhiệm cán bộ và ban hành chức năng nhiệm vụ của các phòng ban chức năng sau khi thành lập mới.

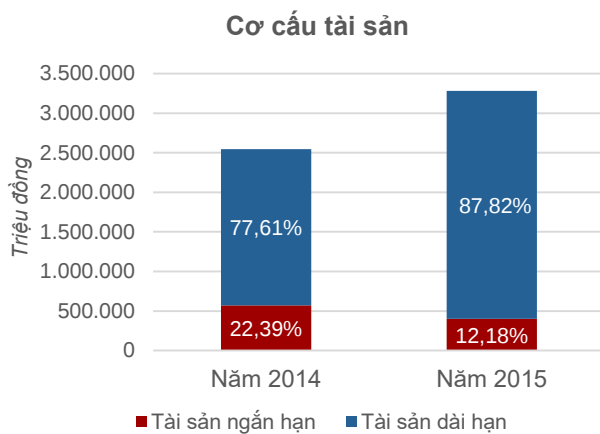


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

(Theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015)

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Tỷ lệ năm 2015 so với năm 2014
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	569.677	22,39%	399.665	12,18%	70,16%
Tài sản dài hạn	1.974.753	77,61%	2.881.434	87,82%	145,91%
Tổng tài sản	2.544.430	100,00%	3.281.099	100,00%	128,95%

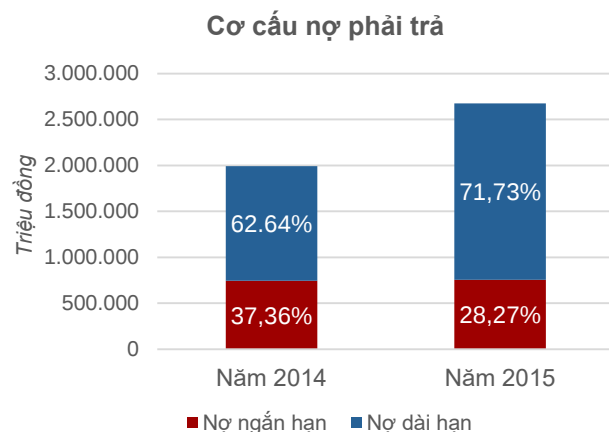


Là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và buôn bán vật liệu xây dựng, tài sản của Công ty phần lớn là tài sản dài hạn, chiếm 87,82% trong năm 2015 và chủ yếu đến từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang các dự án mà Công ty đang thực hiện và tài sản cố định vô hình bao gồm Quyền thu phí Quốc lộ 1, Quyền thu phí Tỉnh lộ 6, Phần mềm máy tính. Tổng giá trị tài sản dài hạn của Công ty năm 2015 tăng gần 46%, từ 1.975 tỷ đồng năm 2014 lên 2.881 tỷ đồng. Ngược lại, giá trị tài sản ngắn hạn trong năm lại giảm, từ 569,7 tỷ đồng xuống còn 399,7 tỷ đồng. Nguyên nhân là do các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn và giá trị hàng tồn kho của Công ty trong năm giảm.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Tỷ lệ năm 2015 so với năm 2014
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	744.814	37,36%	756.078	28,27%	101,51%
Nợ dài hạn	1.248.777	62,64%	1.918.581	71,73%	153,64%
Nợ phải trả	1.993.591	100,00%	2.674.659	100,00%	134,16%

Cơ cấu nợ trong năm 2015 không có mấy thay đổi, chủ yếu nợ phải trả là nợ dài hạn, chiếm 71,73%. 100% nợ dài hạn đến từ các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn để đầu tư vào các dự án. Năm 2015, nợ dài hạn của Công ty lên đến gần 1.919 tỷ đồng, tăng 53,6% so với cùng kỳ năm trước. Nợ ngắn hạn năm 2015 không có nhiều biến động, tăng khoảng 1,5% so với năm 2014 và chiếm tỷ trọng 28,27% tổng nợ phải trả.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHO TƯƠNG LAI

Tuy năm 2015 nhìn chung còn nhiều khó khăn, nhưng với những dấu hiệu nền kinh tế đang được hồi phục và những chuyển biến tích cực từ việc giảm chi phí nhiên liệu chắc chắn sẽ có nhiều cơ hội trong đầu tư và kinh doanh cho các doanh nghiệp ở nhiều lĩnh vực.

Bên cạnh những khó khăn về tỷ giá, quá trình tái cơ cấu kinh tế chậm chạp trong nước cùng với những thay đổi và biến động lớn của nền kinh tế thế giới; dự đoán bước sang năm 2016, Việt Nam sẽ có mức phục hồi cao hơn và có khả năng đạt mức tăng trưởng khoảng 6,7% - 6,8%.

Căn cứ vào tình hình thị trường chung hiện tại, đồng thời dựa trên các hợp đồng kinh tế cung cấp sản phẩm và thi công các công trình đã ký trước năm 2016 cũng như các dự án đầu tư mà Công ty đang có. Ban Lãnh đạo Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2016 như sau:

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Lĩnh vực hoạt động	Doanh thu (Tỷ đồng)	Tổng lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	Ghi chú
Các hoạt động công ty mẹ	634	64,31	
Các hoạt động công ty con	411,24	42,83	
- Doanh thu thu phí hoàn vốn dự án tuyến QL1, đoạn tránh thành phố Biên Hoà	289,1	32,91	Đã trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát
- Doanh thu thu phí hoàn vốn dự án QL91 Cần Thơ - An Giang	122,14	9,92	Đã trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát
Tổng cộng	1045,24	107,14	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Dự kiến trong năm 2016, tổng mức đầu tư và giải ngân cho hoạt động sản xuất kinh doanh và cho các công ty liên doanh, liên kết dự kiến đạt 1.255 tỷ đồng và dự kiến vốn giải ngân cho các dự án trên khoảng 20% vốn chủ sở hữu (cho mục 1, 2 và 3 dưới đây). Trong đó cụ thể như sau:

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Dự án nút giao 319 và Cao tốc TP.HPM-Long Thành	700
2	Dự án đường chuyên dùng vận chuyển VLXD	200
3	Dự án khu nhà ở xã hội phường Tam Hòa	325
4	Trạm đăng kiểm cơ giới theo hình thức xã hội hóa	50
5	Các dự án nhỏ lẻ khác (mới, bổ sung)	30
Tổng cộng		1.255

KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2016

Căn cứ vào mục tiêu kết quả sản xuất kinh doanh đặt ra trong năm 2015, kế hoạch phân phối lợi nhuận cho năm 2016 như sau:

- | | |
|-----------------------------------|---------------------------------------|
| - Trích quỹ đầu tư phát triển | 5% lợi nhuận sau thuế |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 5% lợi nhuận sau thuế |
| - Chi cổ tức | 16% vốn điều lệ (1.600 đồng/ cổ phần) |

BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

Để thực hiện những mục tiêu đề ra, trong năm 2016, Ban Lãnh đạo Công ty sẽ phấn đấu thực hiện tốt các nội dung sau

♦ Phát triển nguồn nhân lực và điều chỉnh cơ cấu tổ chức

Công ty tiếp tục hoàn thiện các chính sách nhân sự, hoàn thiện cơ cấu tổ chức toàn hệ thống; Đảm bảo chiến lược đào tạo và phát triển nhân sự của công ty luôn phù hợp với thực trạng sản xuất kinh doanh; Luôn đảm bảo nguồn nhân lực có trình độ cao để đáp ứng hoạt động phát triển và đầu tư trong giai đoạn mới.

♦ Quản lý chặt chẽ hoạt động tài chính, nguồn vốn đầu tư và hoạt động thu hồi công nợ

Trong đó đẩy mạnh hoạt động thu hồi công nợ bán hàng, công nợ của hoạt động thi công đúng hạn, đúng tiến độ từ đó giảm thiểu việc vay vốn, giúp giảm chi phí vay tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Quản lý chặt chẽ các khoản thu chi, các khoản vốn đầu tư được sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả cao.

♦ Hoạt động xây dựng và sản xuất

Hoạt động thi công: Sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc sản xuất và thi công đảm bảo chất lượng cũng như tiến độ đề ra. Trong đó cụ thể:

- Đảm bảo trong năm 2016 hoàn thành thi công tuyến Quốc Lộ 91B để toàn bộ dự án được nghiệm thu đưa vào sử dụng và đưa thêm 01 trạm thu phí vào hoạt động.
- Triển khai thi công đồng loạt các dự án: đường chuyên dùng vận chuyển VLXD; Dự án nút giao 319 và Cao tốc TP.HPM - Long Thành; Dự án khu nhà ở xã hội phường Tam Hòa và Trạm đăng kiểm cơ giới theo hình thức xã hội hóa... đảm bảo chất lượng và tiến độ đề ra.

Hoạt động sản xuất: Đảm bảo tiến độ cung cấp sản phẩm cho các hợp đồng đang có; Tiếp tục tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng mới, quản lý chặt chẽ định mức sử dụng vật tư, nhiên liệu nhằm đảm bảo chất lượng tốt nhất với chi phí thấp nhất.

♦ Hoạt động thu phí và hoạt động đầu tư

Nâng cao công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động thu phí đảm bảo giảm thiểu thất thu do tiêu cực, từ đó ổn định doanh thu, duy trì tốt nguồn vốn cho hoạt động đầu tư của Công ty tại các dự án Tỉnh Lộ 16, Quốc Lộ 1 và Quốc Lộ 91 Cần Thơ - An Giang.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2015, với sự quyết tâm cao, dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành các cấp, tập thể cán bộ công nhân viên Công ty đã tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành mục tiêu then chốt và chiến lược, đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế do Đại hội đồng cổ đông giao.

- Sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế tốt, phát triển tốt nguồn vốn chủ sở hữu.
- Hoàn thành các mục tiêu tiến độ thi công tại các công trình trọng điểm do Công ty đầu tư đảm bảo chất lượng cao.
- Nghiên cứu đầu tư các dự án có trọng tâm, kịp thời đảm bảo đạt hiệu quả kinh tế.
- Uy tín và thương hiệu của Công ty được các đối tác trong và ngoài nước đánh giá cao.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

♦ Về sản xuất kinh doanh:

Công ty mẹ

- | | |
|----------------------|----------------------|
| - Doanh thu thuần | 640.960.399.726 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế | 41.722.887.926 đồng |

Hợp nhất (mẹ và các công ty thành viên)

- | | |
|----------------------------|----------------------|
| - Doanh thu thuần | 829.693.296.154 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế | 67.982.094.974 đồng |
| - Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.953 đồng/cổ phiếu |

♦ Về đầu tư phát triển

- Đầu tư góp vốn vào Công ty Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang: đã hoàn thành góp vốn 168 tỷ đồng.
- Đầu tư nâng cao năng lực máy móc và thiết bị: 27 tỉ đồng.

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2015, dưới sự chỉ đạo và định hướng của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ được giao và hoàn thành các chỉ tiêu về kinh tế mà Đại hội đồng cổ đông đã tin tưởng giao phó. Thông qua các cuộc họp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh trong các thời kỳ và đề xuất các giải pháp, chính sách với Hội đồng quản trị để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của Công ty. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc cũng đã xây dựng các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả.

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực, cố gắng với tinh thần trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ được giao của Ban Tổng giám đốc cùng bộ máy điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2016

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO (công ty mẹ)

- Tổng doanh thu	634 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế	64,31 tỷ đồng

Hợp nhất (Công ty mẹ và các công ty thành viên)

- Tổng doanh thu	1.045 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế	107,14 tỷ đồng
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.155 đồng / cổ phiếu

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Dự kiến trong năm 2016, tổng mức đầu tư dự kiến là 1.255 tỷ đồng trong đó cụ thể như sau:

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Dự án nút giao 319 và Cao tốc TP.HCM - Long Thành	700
2	Dự án đường chuyên dùng vận chuyển VLXD	150
3	Dự án khu nhà ở xã hội phường Tam Hòa	325
4	Trạm đăng kiểm cơ giới theo hình thức xã hội hóa	50
5	Các dự án nhỏ lẻ khác (mới, bổ sung)	30
Tổng cộng		1.255

KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2016

Căn cứ vào mục tiêu kết quả sản xuất kinh doanh đặt ra trong năm 2016, kế hoạch phân phối lợi nhuận cho năm 2016 như sau:

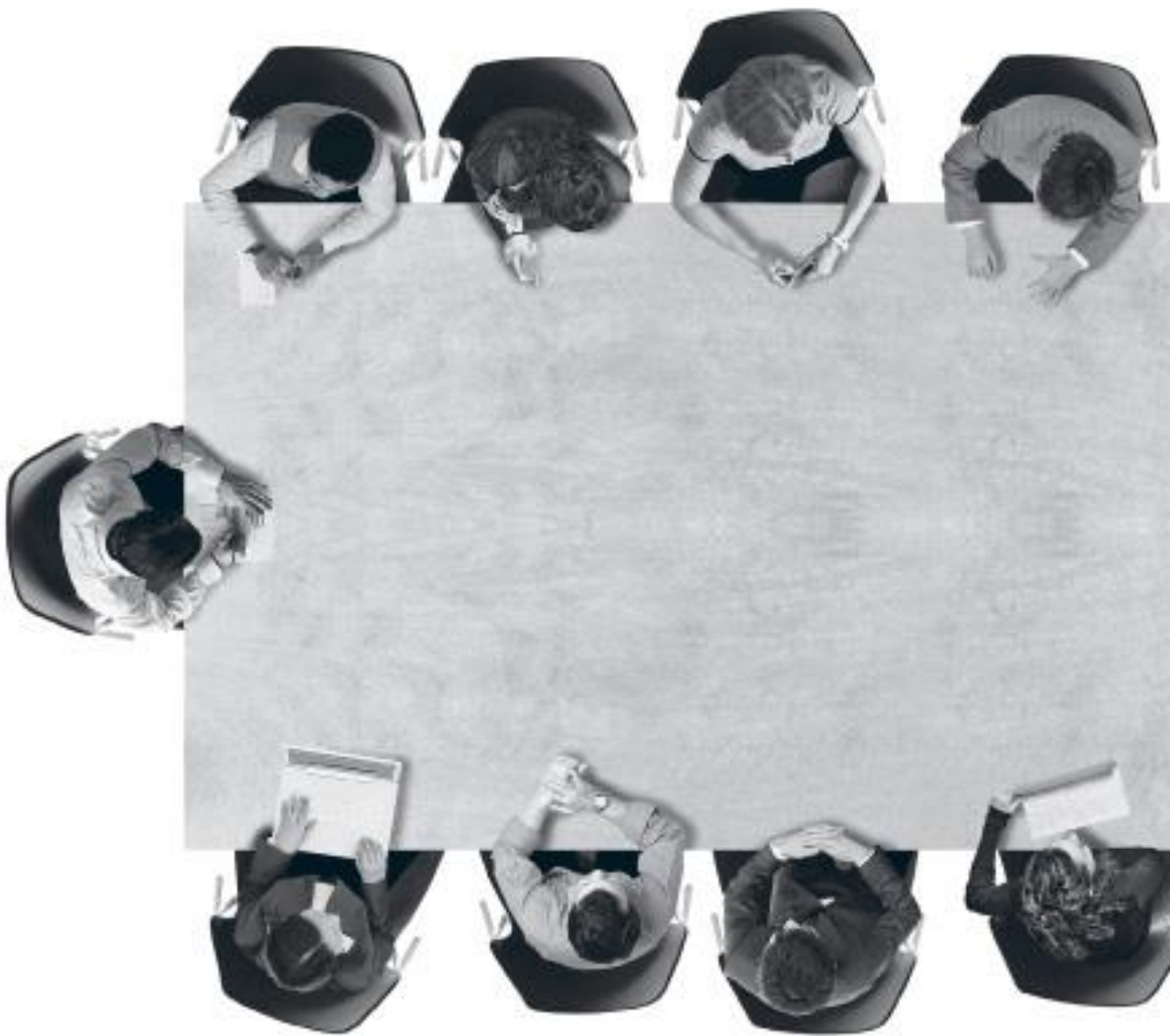
Trích quỹ đầu tư phát triển	5% lợi nhuận sau thuế
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5% lợi nhuận sau thuế
Chi trả cổ tức	16% vốn điều lệ (1.600 đồng/cổ phần)

BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Để thực hiện được những mục tiêu đặt ra, trong năm 2016 Ban lãnh đạo Công ty sẽ phải thực hiện tốt các nội dung như sau:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
- Tập trung vào chiến lược xây dựng nhân lực, đảm bảo nhân lực của Công ty luôn có môi trường học tập và rèn luyện, từng bước nâng cao trình độ chuyên môn và kinh nghiệm để đáp ứng tốt cho nhu cầu thực tế và yêu cầu quản lý Công ty.
- Công ty xây dựng kế hoạch phát triển nhân sự cụ thể cho từng giai đoạn, tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, điều chỉnh cơ cấu đảm bảo tính tinh gọn và hiệu quả, đảm bảo nguồn nhân lực cho hoạt động phát triển và đầu tư trong giai đoạn tới.
- Tập trung chỉ đạo việc hoàn thành các hợp đồng xây lắp đảm bảo tiến độ, chất lượng an toàn.
- Hoạt động sản xuất: Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ đối với khách hàng, đảm bảo tiến độ cung cấp sản phẩm ổn định; Quản lý chặt quy trình sản xuất để giảm thiểu hao phí, tăng tiết kiệm và từ đó giúp nâng cao năng suất và hiệu quả.
- Chỉ đạo việc triển khai đầu tư các dự án theo kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong quá trình kiểm tra, kiểm soát việc ra Nghị quyết và thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc chấp hành các quy định của pháp luật, các quy chế, quy định làm việc và điều lệ hoạt động của Công ty.
- Chỉ đạo bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện việc kiểm soát toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị thành viên.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH VÀ CƠ CẤU THÀNH VIÊN HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Chú ý
1	Trần Như Hoàng	Chủ tịch HĐQT	1.430.000	4,33%	
2	Nguyễn Xuân Quang	Thành viên HĐQT	1.627.430	4,93%	
3	Nguyễn Văn Khang	Thành viên HĐQT	440.000	1,33%	
4	Nguyễn Sỹ Phong	Thành viên HĐQT	11.000	0,03%	
5	Nguyễn Văn Thành	Thành viên HĐQT	0	0	Là thành viên HĐQT độc lập
6	Trương Hồng Loan	Thành viên HĐQT	4.114.000	12,47%	
7	Nguyễn Văn Thúy	Thành viên HĐQT	22.000	0,07%	Là thành viên HĐQT độc lập

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP: Các thành viên HĐQT độc lập hoạt động với vai trò giám sát, luôn phản biện đối với các hoạt động của HĐQT, nhằm đảm bảo HĐQT hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, phù hợp với các chủ trương, định hướng đã đề ra của ĐHĐCĐ và HĐQT.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT: HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO theo dõi, tổ chức các cuộc họp HĐQT, cung cấp các thông tin cần thiết cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2015, HĐQT đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần và duy trì hoạt động theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Bằng sự quyết tâm cao, chủ động đối mặt với khó khăn, thách thức, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát các hoạt động quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên, nỗ lực thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời phát hiện và khắc phục các thiếu sót để hoàn thành đạt mức cao nhất các chỉ tiêu kinh tế và tất cả các nội dung đã đề ra trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 với mục đích khẳng định thương hiệu trên cả thị trường trong nước và thế giới, đem đến lợi ích cao nhất cho các cổ đông và mang lại sự phát triển bền vững cho Công ty. Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ hoặc đột xuất, HĐQT đã thực hiện những việc sau:

- Thảo luận và rà soát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh theo định kỳ 1 quý 1 lần và cả năm 2015 nhằm đạt mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Phối hợp với Ban kiểm soát nội bộ thông qua các báo cáo đánh giá phân tích rủi ro và phương án phòng ngừa rủi ro trong hoạt động điều hành.
- Kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát nhằm kiểm tra, đánh giá tình hình thực tế qua đó đóng góp ý kiến cho Ban Tổng giám đốc.

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2015

Năm 2015, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp với tỷ lệ tham dự là 100%, ban hành 8 Nghị quyết thông qua các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của các giai đoạn cùng nhiều chủ trương và điều chỉnh quan trọng đối với hoạt động và định hướng phát triển của Công ty. Cụ thể, các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2015:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HHĐQT/CTC	09/04/2015	Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015
2	02/NQ-HHĐQT/CTC	21/04/2015	Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014, triển khai kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015. Triển khai công tác chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
3	02A/NQ-HHĐQT/CTC	21/04/2015	Thông qua việc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai cấp tín dụng cho Công ty
4	03/NQ-HHĐQT/CTC	07/05/2015	Thông qua việc ủy quyền cho ông Phạm Thanh Quảng - phó TGD thay mặt Công ty ký kết hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ với hộ ông Dương Thành Minh để mở rộng diện tích Cây xăng dọc tuyến tránh TP. Biên Hòa
5	04/NQ-HHĐQT/CTC	22/06/2015	Thông qua việc phát hành thư bảo lãnh dự thầu tại SHB cho gói thầu “Đầu tư xây dựng hạ tầng khu thí điểm chăn nuôi tập trung (LPZ)”; Thông qua việc dùng TS và nguồn thu để đảm bảo nghĩa vụ tại SHB; Ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân Quang thực hiện và ký các giao dịch liên quan tại SHB
6	05/NQ-HHĐQT/CTC	30/06/2015	Thông qua việc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Nhơn Trạch cấp tín dụng cho Công ty và việc sử dụng các tài sản của Công ty hoặc bên thứ 3 để đảm bảo các nghĩa vụ nợ của Công ty đối với khoản vay tại VietinBank Nhơn Trạch
7	06/NQ-HHĐQT/CTC	10/09/2015	Thông qua báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 đã được kiểm toán và tạm ứng cổ tức năm 2014 cho Cổ đông hiện hữu
8	07/NQ-HHĐQT/CTC	29/10/2015	Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2015 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH VÀ CƠ CẤU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bùi Tiến Vương	Trưởng Ban Kiểm soát	0	0%
2	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0%
3	Trần Quang Tiến	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2015 Ban kiểm soát đã triển khai công tác như sau :

- ♦ Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty .
- ♦ Kiểm tra việc chấp hành điều lệ Công ty, các nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.
- ♦ Thẩm tra Báo cáo tài chính 6 tháng, Báo cáo tài chính năm.
- ♦ Tham gia các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT để kiểm điểm, đánh giá tình hình công việc trong quý và chỉ đạo công tác quý tiếp theo. Trong các cuộc họp, Ban Kiểm soát đã tham gia trao đổi, góp ý và đề xuất ý kiến nhằm đảm bảo việc thực hiện các hoạt động của Công ty theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Về việc chấp hành Pháp luật Nhà nước, Điều lệ Công ty trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh:

Nhìn chung Công ty đã chấp hành tốt quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về công bố thông tin đối với Công ty niêm yết. Các báo cáo định kỳ như Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị,.. được công bố kịp thời, đăng tải trên trang website Công ty để cung cấp thông tin cho Cổ đông, Nhà đầu tư.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2015, tuy tình hình chung của nền kinh tế cả nước có cải thiện như lạm phát giảm, thị trường xây dựng và bất động sản có dấu hiệu hồi phục nhưng tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước vẫn còn gặp không ít khó khăn. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã có những điều chỉnh kịp thời trong công tác quản lý và điều hành để đảm bảo sự ổn định trong đầu tư và phát triển sản xuất. Nhờ vậy, Công ty đã đạt được những kết quả đáng khích lệ như sau:

- Phát triển ổn định hoạt động thi công công trình, sản xuất cung cấp Bê tông nhựa nóng, ống cống bê tông cốt thép và hoạt động sản xuất của các mỏ vật liệu khai thác đá như Mỏ đá Tân Cang 8, mỏ đá Đồi Chùa 3.

- Quản lý tốt nguồn thu phí các dự án BOT Quốc lộ 1; Tỉnh lộ 16.
- Hoàn thành thi công dự án đầu tư Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 91 theo hình thức hợp đồng BOT và đưa vào thu phí Trạm T1- QL91 từ ngày 02/04/2016.

Về công tác tổ chức

- Cơ cấu tổ chức của Công ty đã có nhiều chuyển biến tích cực, ngày càng năng động và đạt hiệu quả.
- Công ty đã duy trì ổn định việc làm và thu nhập cho toàn bộ CB-CNV trước sự biến động giá cả thị trường, từ đó tạo ra tâm lý ổn định cho hầu hết lao động tại Công ty.

Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm 2015

- Công ty hạch toán kế toán, mở sổ sách kế toán đầy đủ, chi tiết theo quy định.
- Ban kiểm soát đã thẩm tra báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty. Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo tài chính của Tổng giám đốc Công ty và Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC).
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty (Công ty mẹ) sau khi được Ban kiểm soát thẩm tra và thống nhất thông qua, trong đó một số chỉ tiêu chính như sau:

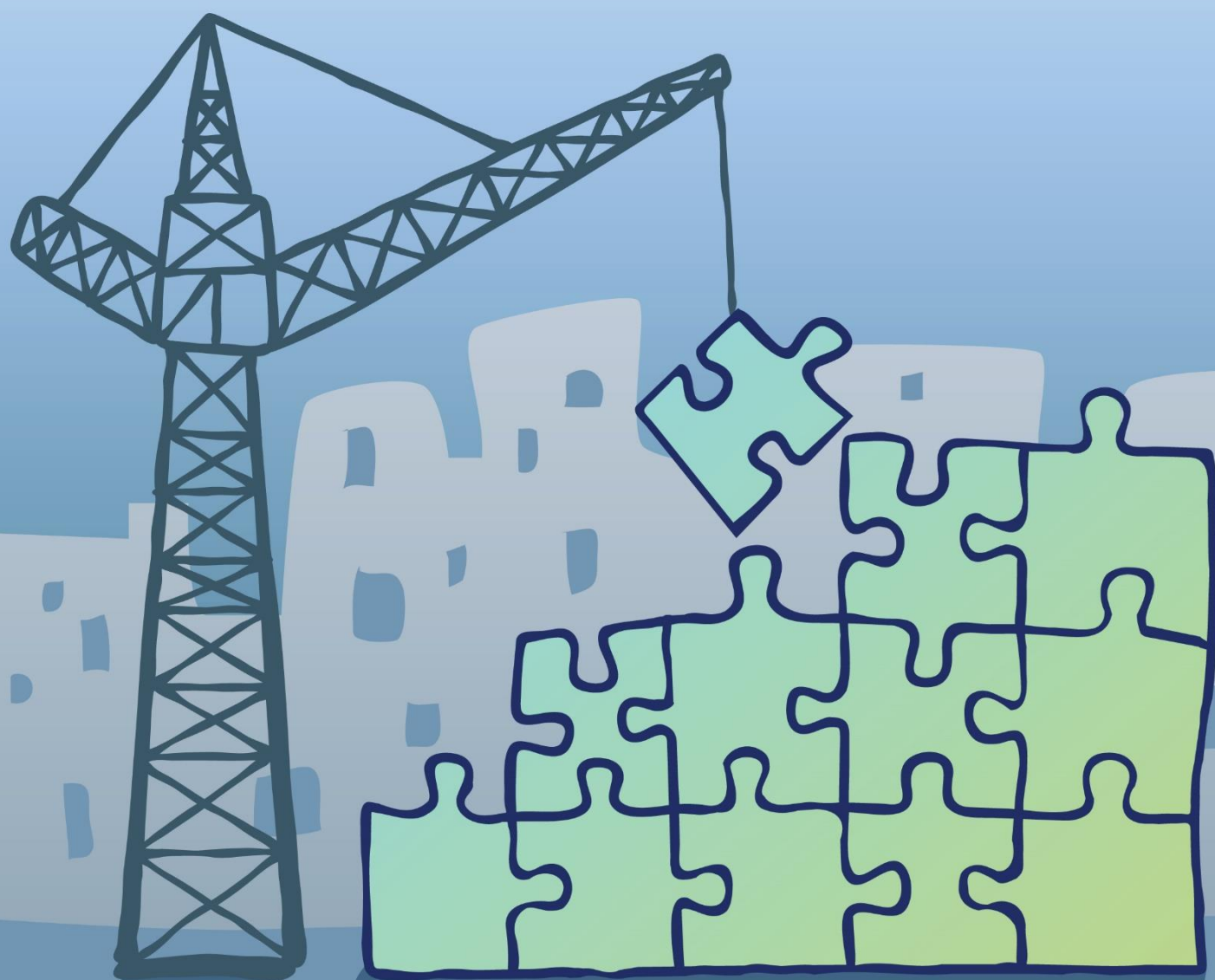
CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2015
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		640.960.399.726
Tổng chi phí		587.336.887.253
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		53.623.512.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	11.900.624.547
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		41.722.887.926
Vốn điều lệ		329.999.970.000
Tổng tài sản		1.064.712.175.297
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)		1.264

Năm 2015, Ban lãnh đạo đã có những quyết sách phù hợp trong điều hành sản xuất kinh doanh. Do đó, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ đạt được mục tiêu đề ra, trong đó tổng doanh thu đạt 640,96 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 41,722 tỷ đồng. Tổng nguồn vốn đạt 1.064,7 tỷ đồng.

KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT CHO NĂM 2016

Năm 2016 nền kinh tế có nhiều dấu hiệu hồi phục thuận lợi, tuy nhiên vẫn còn những khó khăn tiềm ẩn. Ban kiểm soát kiến nghị đến HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty các vấn đề sau:

- ◆ Đối với việc đầu tư cho các dự án, thi công công trình cần tiếp tục đẩy nhanh tiến độ để nhanh thu hồi vốn.
- ◆ Đẩy mạnh hoạt động thu hồi công nợ, đặc biệt quan tâm thu hồi dứt điểm các khoản nợ khó đòi, thanh toán đúng hạn các khoản vay để giảm thiểu chi phí lãi vay.
- ◆ Tiếp tục có sự điều chỉnh và đổi mới cơ cấu quản lý và nhân sự để nâng cao hiệu quả quản lý.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN TGD

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH NĂM 2015

Thù lao và thưởng của HĐQT năm 2015: 1.948.860.608 đồng

Lương và thưởng của Ban TGD năm 2015: 5.372.013.364 đồng

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN NĂM 2015

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ/ Công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng, giảm
1	Nguyễn Xuân Quang	Tổng giám đốc	761.788	1.627.430	Nhận cổ phiếu thưởng và mua cổ phiếu phát hành thêm
2	Trương Hồng Loan	Phó Tổng giám đốc	3.740.000	4.114.000	Nhận cổ phiếu thưởng
3	Trần Như Hoàng	Chủ tịch HĐQT	800.000	1.430.000	Nhận cổ phiếu thưởng và mua cổ phiếu phát hành thêm
4	Phạm Mai Thu	Kế toán trưởng	0	100.000	Đầu tư dài hạn
5	Nguyễn Xuân Cường	Con của TGD	200.000	419.958	Nhận cổ phiếu thưởng và mua cổ phiếu phát hành thêm
6	Nguyễn Xuân Hòa	Cổ đông lớn	1.682.310	1.927.069	Nhận cổ phiếu thưởng
7	Nguyễn Thị Hồng Cúc	Cổ đông lớn	1.204.450	1.255.608	Nhận cổ phiếu thưởng
8	Nguyễn Văn Thuận	Cổ đông lớn	34.870	1.855.000	Nhận cổ phiếu thưởng và mua cổ phiếu phát hành thêm



GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối liên hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
CTCP Đầu tư Đồng Thuận	Công ty con	Phải thu từ doanh thu xây dựng phát sinh trong kỳ	160.930.280.883	14.322.233.942
		Công ty phải trả tiền mua máy nghiền đá	-	(8.000.000.000)
		Công ty nhận tiền ứng trước thi công các khu tái định cư	-	(40.382.129.580)
		Công ty phải trả tiền mượn	101.165.995.894	(21.444.227.328)
		Công ty phải trả tiền thu trạm thu phí QL1	212.518.220.000	(21.748.107.500)
CTCP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ – An Giang	Công ty con	Phải thu từ doanh thu xây dựng phát sinh trong năm	316.540.521.989	3.259.230.333
		Công ty nhận tiền ứng trước thi công QL91	80.820.972.770	(80.820.972.770)
		Công ty phải thu khác	2.060.354.599	60.354.599
CTCP KT và KDVLD IDICO Đồng Nai	Công ty con	Công ty phải thu tiền bán cống, cung cấp dịch vụ san lấp	277.740.000	5.485.185.755
		Công ty trả trước tiền mua đá, đất, dầu các loại	754.884.108	18.614.009.591
		Công ty phải thu khác	5.940.000.000	25.320.851.559
		Công ty phải trả tiền mua đá, đất, dầu, thuê xe	19.539.136.321	(11.694.701.487)
CTCP Đầu tư Việt Thuận Phát	Công ty liên kết	Trả trước tiền thi công công trình Quốc lộ 51	-	1.384.608.700
		Công ty cho mượn tiền	3.000.000.000	6.007.846.575
		Công ty phải thu tiền cổ tức	682.500.000	682.500.000
		Phải trả tiền thi công các gói thầu Công trình QL51	-	(12.606.190.109)
Bà Trương Hồng Loan	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Công ty vay tiền	-	(1.000.000.000)

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc Quản trị công ty theo Quy chế nội bộ và quy định của Pháp luật đối với công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



11.15.522-IIN/AISC-DN2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO về việc thay đổi chính sách kế toán "Điều chỉnh và loại trừ ảnh hưởng của giao dịch chuyển hàng tồn kho thành tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn trong trường hợp công ty mẹ xây dựng và chuyển giao tài sản (doanh thu xây lắp) công trình cho công ty con là doanh nghiệp BOT và công ty con thực hiện thu phí hoàn vốn (doanh thu thu phí)" được trình bày tại Thuyết minh số VIII.5 "Thay đổi chính sách kế toán".

KIỂM TOÁN VIÊN



Nguyễn Thị Phương Thùy

Số GCNDKHNKT: 1871-2013-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Tp. HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Vinh

Số GCNDKHNKT: 0112-2013-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		399.665.208.519	569.677.142.510
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	110.381.267.823	179.071.287.723
1. Tiền	111		46.562.767.823	179.071.287.723
2. Các khoản tương đương tiền	112		63.818.500.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	47.000.000.000	6.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		47.000.000.000	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		119.743.413.724	242.761.738.199
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	67.085.076.816	58.786.668.120
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	43.605.916.933	176.592.789.575
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	19.026.115.154	16.498.840.849
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,5	(9.973.695.179)	(9.116.560.345)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	92.210.067.778	117.624.502.707
1. Hàng tồn kho	141		92.210.067.778	117.624.502.707
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.330.459.194	24.219.613.881
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	245.833.334	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14b	29.410.946.210	24.219.613.881
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	673.679.650	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.881.433.951.024	1.974.753.000.657
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.524.995.885	1.544.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	3.524.995.885	1.544.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.453.866.972.682	1.113.120.330.181
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	112.741.822.990	115.726.453.484
- Nguyên giá	222		305.294.705.540	283.228.216.535
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(192.552.882.550)	(167.501.763.051)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.341.125.149.692	997.393.876.697
- Nguyên giá	228		1.489.712.334.572	1.088.516.019.718
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(148.587.184.880)	(91.122.143.021)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	1.298.245.569.457	737.513.349.252
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.298.245.569.457	737.513.349.252
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	8.404.805.000	10.152.255.988
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.654.805.000	6.402.255.988
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.750.000.000	3.750.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		117.391.608.000	112.422.565.236
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	115.938.021.857	111.047.551.318
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.19	1.453.586.143	1.375.013.918
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.281.099.159.543	2.544.430.143.167

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.674.659.299.842	1.993.591.056.820
I. Nợ ngắn hạn	310		756.077.954.244	744.814.027.047
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	138.792.411.069	104.238.472.250
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	49.783.230.003	25.421.339.431
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	31.635.524.484	28.254.196.977
4. Phải trả người lao động	314		12.666.526.736	9.703.730.527
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	95.038.943.236	43.974.171.956
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	36.836.692.380	33.789.335.059
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	391.257.012.774	498.248.844.288
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	-	2.110.945.212
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		67.613.562	(927.008.653)
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.918.581.345.598	1.248.777.029.773
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	-	20.000.591.160
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	1.918.581.345.598	1.228.776.438.613
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		606.439.859.701	550.839.086.348
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	606.439.859.701	550.839.086.348
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		329.999.970.000	329.999.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		329.999.970.000	329.999.970.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.550.139.279	9.550.139.279
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.256.026.142	10.710.174.356
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		80.045.782.089	50.101.368.583
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.063.687.115	615.106.721
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		67.982.094.974	49.486.261.862
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		11.120.427	11.120.427
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		173.576.821.764	150.466.313.703
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.281.099.159.543	2.544.430.143.167

NGƯỜI LẬP BIỂU

Vũ Thị Hồng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Mai Thu

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	829.693.296.154	722.300.183.289
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	829.693.296.154	722.300.183.289
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	575.136.304.571	538.456.195.393
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		254.556.991.583	183.843.987.896
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.922.604.848	1.279.700.993
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	114.959.100.724	73.821.051.711
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		111.170.203.368	71.671.507.730
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(480.319.840)	738.531.016
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	10.566.430.389	7.756.090.502
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	50.465.035.739	45.934.370.112
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		80.008.709.739	58.350.707.580
12. Thu nhập khác	31	VI.7	5.666.853.795	2.457.846.882
13. Chi phí khác	32	VI.8	182.365.045	1.720.329.621
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		5.484.488.750	737.517.261
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		85.493.198.489	59.088.224.841
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		12.059.892.082	7.345.938.654
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	78.572.224	2.125.702.492
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		73.354.734.183	49.616.583.695
Cổ đông của Công ty mẹ	61		67.982.094.974	49.486.261.862
Cổ đông không kiểm soát	62		5.372.639.209	130.321.834
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.953	2.879
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1.953	2.879

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Hồng

Phạm Mai Thu

Nguyễn Xuân Quang



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		85.493.198.489	59.088.224.841
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9-10	87.180.923.262	55.632.641.575
- Các khoản dự phòng	03		857.134.834	956.179.742
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.075.300.600	134.646.336
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.880.499.818)	(1.168.328.707)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	111.170.203.368	71.671.507.730
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		280.896.260.735	186.314.871.517
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		7.810.328.454	(102.593.765.173)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		24.339.134.329	50.465.660.360
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		90.485.488.450	(194.008.839.745)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(5.293.448.321)	4.646.322.881
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(109.612.899.558)	(69.473.305.259)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(205.950.260)	(6.461.902.775)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		8.203.622	1.958.864.962
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.437.268.392)	(3.429.717.405)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		285.989.849.059	(132.581.810.637)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(865.322.459.120)	(658.726.889.782)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		3.047.727.272	1.090.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(41.000.000.000)	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.832.800.568	791.230.863
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(901.441.931.280)	(662.844.749.828)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	165.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.040.897.780.067	1.035.666.280.327
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.458.084.704.596)	(396.803.524.066)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(36.051.013.150)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	546.762.062.321	803.862.756.261
Lưu chuyển tiền thuần trong năm ($50 = 20 + 30 + 40$)	50	(68.690.019.900)	8.436.195.797
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	179.071.287.723	170.635.091.926
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm ($70 = 50 + 60 + 61$)	70	110.381.267.823	179.071.287.723

NGƯỜI LẬP BIỂU

Vũ Thị Hồng

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Mai Thu

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Quang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Hình thức sở hữu vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO là vốn cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Xây dựng và sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; thi công công trình điện dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; vận tải hàng hoá đường bộ; gia công chế biến đất, đá và cát (không gia công chế biến tại trụ sở); kinh doanh bất động sản; mua bán vật liệu xây dựng; mua bán và cho thuê máy móc và thiết bị công trình; sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí và vật liệu bê tông (không sản xuất và gia công tại trụ sở); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; gia công chế biến đất, đá, cát (không gia công chế biến tại trụ sở); kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, khách sạn; sản xuất mua bán các loại ống cống bê tông cốt thép theo công nghệ quay ép, ly tâm, và bê tông nhựa nóng (không sản xuất tại trụ sở); đại lý mua bán bia rượu, nước giải khát; kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở); dịch vụ quảng cáo; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất: không có.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2015: 509 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2014: 489 nhân viên)

7. Cấu trúc Tập đoàn

7.1. Tổng số các Công ty con:

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 3 công ty con.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có.

7.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Đồng Thuận. Địa chỉ: Số 315 Võ Nguyên Giáp, Xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	Đầu tư xây dựng khai thác kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.	83%	83%	83%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên Công ty và địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang. Địa chỉ: Số 315 Võ Nguyên Giáp, Xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	Xây dựng công trình giao thông. Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo phương thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT); Xây dựng nhà các loại, công trình kỹ thuật dân dụng khác; Dịch vụ phí giao thông.	59,57%	59,57%	59,57%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có một (01) công ty con sở hữu gián tiếp như sau:

<i>Tên Công ty và địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Khai thác và Kinh doanh VLXD IDICO Đồng Nai. Địa chỉ: Lầu 1, số 168, tổ 2, khu phố 11, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (khai thác cát ngoài tỉnh); Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.	55,78%	55,78%	60,00%

7.3. Danh sách các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất: không có.

7.4. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

<i>Tên Công ty và địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thuận Phát. Địa chỉ: Số 12/N3, KP1, Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi; sản xuất bê tông xi măng, bê tông nhựa nóng...	35,00%	35,00%	35,00%

7.5. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm báo cáo: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

Một số số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước do áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Công văn số 11780/BTC-TCĐN ngày 26/8/2015 của Bộ Tài chính của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Các quy định có thay đổi ảnh hưởng (nếu có) đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn như sau:

- Phương pháp kế toán xác định lãi trên cổ phiếu trong trường hợp Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế;
- Tỷ giá hối đoái áp dụng để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ.
- Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các đơn vị hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu không được phân bổ dần.
- Cơ sở hợp nhất: nguyên tắc loại trừ các yếu tố trùng lặp trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con nhưng không ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận sau thuế của giá trị xây lắp các dự án BOT do Công ty mẹ thực hiện trong trường hợp có tính đặc thù là công ty mẹ xây dựng và chuyển giao tài sản (doanh thu xây lắp) công trình cho công ty con là doanh nghiệp BOT và công ty con thực hiện thu phí hoàn vốn.

Tập đoàn đã thực hiện việc phân loại và trình bày lại số liệu so sánh của kỳ trước cho phù hợp với kỳ hiện tại (chi tiết tại Thuyết minh VIII.6 - Thông tin so sánh)

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Tập đoàn đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh:

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

1. Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính và có hiệu lực áp dụng từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Tập đoàn áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Tập đoàn cũng đã trình bày lại số liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.

2. Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho phần XIII- Thông tư 161/2007/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Tập đoàn áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3. Công văn số 11780/BTC-TCDN ("Công văn 11780") ngày 26/8/2015 của Bộ Tài chính

Ngày 26 tháng 8 năm 2015, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 11780/BTC-TCDN có ý kiến về vướng mắc khi hợp nhất báo cáo tài chính đối với doanh thu hoạt động xây lắp của công ty mẹ là nhà đầu tư, nhà thầu và công ty con là doanh nghiệp dự án BOT.

Tập đoàn đã thực hiện theo hướng dẫn của Công văn này cho năm hiện hành (chi tiết tại Thuyết minh VIII.5)

2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO ("Công ty") và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Lợi thế thương mại (hoặc lỗ từ giao dịch mua rẻ) phát sinh từ giao dịch mua Công ty con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Định kỳ, Tập đoàn đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Công ty con

* Khi Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào Công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

* Khi giao dịch thoái vốn không làm Tập đoàn mất quyền kiểm soát đối với Công ty con, toàn bộ chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại Công ty con và giá trị phần tài sản thuần của Công ty con bị thoái vốn cộng với (+) giá trị phần lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

* Khi giao dịch thoái vốn dẫn đến việc Tập đoàn mất quyền kiểm soát đối với Công ty con, toàn bộ chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với (+) giá trị phần lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua (phương pháp vốn chủ sở hữu) nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2015: 22.450 VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2015: 22.540 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền đối với các khoản mục được ghi nhận theo giá trị hiện tại được xác định căn cứ theo lãi suất thị trường đối với các khoản doanh nghiệp đi vay.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Tập đoàn đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư mà Tập đoàn nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất thực hiện xây lắp các công trình xây dựng cơ bản dở dang.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

9.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của tài sản cố định tự xây dựng hoặc tự chế, cộng (+) chi phí lắp đặt, chạy thử. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành tài sản cố định thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng (+) các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của tài sản đó.

Tài sản cố định hữu hình mua theo phương thức trả chậm

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm được thanh toán theo phương thức trả chậm: Là giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại). Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo kỳ hạn thanh toán.

9.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình hình thành từ việc trao đổi thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của đơn vị, nguyên giá tài sản cố định vô hình là giá trị hợp lý của các chứng từ được phát hành liên quan đến quyền sở hữu vốn.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh từ thời điểm mà tài sản vô hình đáp ứng được định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định vô hình đến khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là quyền thu phí giao thông

Nguyên giá Quyền thu phí giao thông được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải chi ra để thực hiện đầu tư vào dự án theo các hợp đồng đã ký kết tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

9.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>8 - 20 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>3 - 15 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>6 - 10 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>3 - 8 năm</i>
<i>Quyền thu phí tính lộ 16</i>	<i>8 - 10 năm</i>

Quyền thu phí tính lộ 16 được khấu hao theo thời gian khai thác dự án.

Tập đoàn khấu hao Quyền thu phí giao thông tại trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với doanh thu thu phí trong kỳ (tương tự phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm) căn cứ văn bản số 9635/BTC-TCDN ngày 15 tháng 07 năm 2015.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

12. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Tập đoàn ghi nhận các khoản nhận về cho BCC theo giá gốc và phản ánh là nợ phải trả khác, không ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của hợp đồng căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng liên doanh về việc phân bổ các chi phí chung, quy định chia sản phẩm được xác nhận bởi các bên liên doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau: Chi phí trùng tu mặt đường tỉnh lộ 16; Chi phí khai thác đá Phước Tân - Tân Cang 8; Chi phí sửa chữa TSCĐ; Công cụ dụng cụ chờ phân bổ; Chi phí lãi mua trả chậm và các chi phí trả trước khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng chi phí dự án khai thác đá được phân bổ theo thời gian khai thác mỏ đá.

14. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Tập đoàn thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Tập đoàn và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Tập đoàn ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

15. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

16. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh; chi phí giá vốn dịch vụ xấp xỉ đã quyết toán với chủ đầu tư theo tiến độ hoàn thành từng hạng mục... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn bao gồm dự phòng bảo hành công trình xây dựng, dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật, dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ định kỳ (theo yêu cầu kỹ thuật) và dự phòng phải trả đối với hợp đồng có rủi ro lớn mà trong đó những chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt quá những lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó.

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Tập đoàn.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Vốn khác: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Tập đoàn và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

1. Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

2. Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư vốn khác); lãi tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp phát sinh trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

24. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

25. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các công cụ tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

25. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

26. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

27. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2015	01/01/2015
Tiền	46.562.767.823	179.071.287.723
Tiền mặt	9.082.885.344	4.284.679.599
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.479.882.479	174.786.608.124
Các khoản tương đương tiền	63.818.500.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	63.818.500.000	-
Cộng	110.381.267.823	179.071.287.723

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a1. Ngắn hạn	47.000.000.000	47.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	47.000.000.000	47.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	47.000.000.000	47.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000

(*) Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn 40.000.000.000 VND đã được tất toán trong quý I năm 2016.

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
b1. Đầu tư vào công ty liên kết	4.654.805.000	4.654.805.000	6.402.255.988	6.402.255.988
Cty CP ĐT Việt Thuận Phát (a)	4.654.805.000	4.654.805.000	6.402.255.988	6.402.255.988
b2. Đầu tư vào đơn vị khác	3.750.000.000	3.750.000.000	3.750.000.000	3.750.000.000
Cty Lắp máy điện nước IDICO (b)	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000
Cty CP Đầu tư Khai thác Khoáng sản VLXD - UDICO (c)	1.350.000.000	1.350.000.000	1.350.000.000	1.350.000.000
Cộng	8.404.805.000	8.404.805.000	10.152.255.988	10.152.255.988

(a) Thuyết minh khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 28/05/2014 của Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát, Công ty CP ĐTPPT Cường Thuận IDICO đăng ký số vốn góp là 7 tỷ đồng chiếm 35% tổng số vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát là 20 tỷ đồng.

Năm 2015, Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát hoạt động kinh doanh lỗ ít.

(b) Thuyết minh khoản đầu tư dài hạn khác - Công ty CP ĐTXD Lắp máy Điện nước IDICO:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lắp máy Điện nước IDICO, Công ty CP ĐTPPT Cường Thuận IDICO đăng ký số vốn góp là 2,4 tỷ đồng chiếm 3% tổng số vốn điều lệ của Công ty CP ĐTXD Lắp máy Điện nước IDICO là 80 tỷ đồng.

Năm 2015, Công ty CP ĐTXD Lắp máy Điện nước IDICO hoạt động có lãi. Công ty không có bất kỳ giao dịch trọng yếu phát sinh trong năm liên quan đến Công ty CP ĐTXD Lắp máy Điện nước IDICO.

(c) Thuyết minh khoản đầu tư vào đơn vị khác - Cty CP Đầu tư khai thác KS VLXD - UDICO

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Cty cổ phần Đầu tư Khai thác Khoáng sản Vật liệu xây dựng - UDICO, Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận là cổ đông sáng lập chiếm 15% Vốn điều lệ tương đương 3.000.000.000 VND. Đến ngày 31/12/2015, Công ty đã thực góp 1.350.000.000 VND tương đương 45% tỷ lệ vốn của Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Năm 2015, Cty cổ phần Đầu tư Khai thác Khoáng sản Vật liệu xây dựng - UDICO vẫn đang trong quá trình đầu tư XD CB, chưa đi vào hoạt động chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	67.085.076.816	(8.903.675.168)	58.786.668.120	(9.116.560.345)
Khách hàng trong nước	67.085.076.816	(8.903.675.168)	58.786.668.120	(9.116.560.345)
Cty CP PT Đường Cao Tốc BH Vũng Tàu	15.124.503.738	-	15.124.503.738	-
Khách hàng khác	51.960.573.078	(8.903.675.168)	43.662.164.382	(9.116.560.345)
Cộng	67.085.076.816	(8.903.675.168)	58.786.668.120	(9.116.560.345)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	43.605.916.933	-	176.592.789.575	-
Nhà cung cấp trong nước	43.605.916.933	-	176.592.789.575	-
Tiền mua đất cho Ông Nguyễn Xuân Hòa	-	-	36.319.293.579	-
Tiền mua đất cho Ông Nguyễn Khánh Vinh	-	-	15.000.000.000	-
Tiền mua đất cho Ông Nguyễn Văn Thạch	-	-	8.100.000.000	-
Tiền mua đất cho Ông Nguyễn Xuân Quang	-	-	35.592.800.000	-
Tiền mua đất cho Bà Nguyễn Thị Kim Duyên	-	-	15.288.750.000	-
Tiền mua đất cho bà Trương Hồng Loan	16.408.000.000	-	16.408.000.000	-
Tiền mua đất cho bà Phạm Mai Thu	3.457.300.000	-	3.457.300.000	-
Cty CP Công trình Giao thông vận tải Đồng Nai	-	-	15.879.562.659	-
Cty CP Sonadezi An Bình	-	-	13.995.986.733	-
Nhà cung cấp khác	23.740.616.933	-	16.551.096.604	-
Cộng	43.605.916.933	-	176.592.789.575	-
c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
Tiền mua đất cho Ông Nguyễn Xuân Hòa	-	-	36.319.293.579	-
Tiền mua đất cho Ông Nguyễn Xuân Quang	-	-	35.592.800.000	-
Tiền mua đất cho bà Trương Hồng Loan	16.408.000.000	-	16.408.000.000	-
Tiền mua đất cho bà Phạm Mai Thu	3.457.300.000	-	3.457.300.000	-
Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát	1.384.608.700	-	1.384.608.700	-
Cộng	21.249.908.700	-	93.162.002.279	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	19.026.115.154	(1.070.020.011)	16.498.840.849	-
Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát	6.690.346.575	-	3.007.846.575	-
Công ty CP Đầu tư KT KS VLXD UDICO	5.305.753.334	-	3.086.983.158	-
Phải thu của HDBT Biên Hòa (Khu TĐC Phước Tân)	1.924.311.660	-	-	-
Phải thu của HDBT Biên Hòa (DA tuyến tránh QL1)	-	-	-	-
Phải thu của HDBT Trảng Bom (Dự án tuyến tránh QL1)	-	-	-	-
Tạm ứng	643.986.591	-	3.570.862.563	-
Ký cược, ký quỹ	99.576.000	-	740.379.000	-
Phải thu khác	4.362.140.994	(1.070.020.011)	6.092.769.553	-
b. Dài hạn	3.524.995.885	-	1.544.500.000	-
Ký cược, ký quỹ	3.524.995.885	-	1.544.500.000	-
Cộng	22.551.111.039	(1.070.020.011)	18.043.340.849	-
c. Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát	6.690.346.575	-	3.007.846.575	-
Cộng	6.690.346.575	-	3.007.846.575	-

6. Nợ xấu

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	12.753.069.343	1.557.089.201	16.804.813.728	7.688.253.383
+ Các khoản phải thu quá hạn thanh toán của nhiều khách hàng	10.613.029.321	487.069.190	16.804.813.728	7.688.253.383
+ Các khoản phải thu khác quá hạn thanh toán	2.140.040.022	1.070.020.011	-	-
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn		1.557.089.201		7.688.253.383
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn		1.557.089.201		7.688.253.383

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.961.594.978	-	5.516.816.234	-
Công cụ, dụng cụ	1.720.802.564	-	1.972.860.194	-
Chi phí SX, KD dở dang	62.371.156.496	-	86.271.058.340	-
Thành phẩm	13.003.166.421	-	23.317.813.082	-
Hàng hoá	2.153.347.319	-	545.954.857	-
Cộng	92.210.067.778	-	117.624.502.707	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Xây dựng cơ bản dở dang	1.298.245.569.457	-	737.513.349.252	-
- Mua sắm	9.451.714.669	-	205.800.000	-
+ Mua thiết bị làm máy xay và mua máy phát điện KVA	8.322.091.146	-	205.800.000	-
+ Mua sắm khác	1.129.623.523	-	-	-
- Xây dựng cơ bản	1.288.793.854.788	-	737.307.549.252	-
+ Chi phí dự án khai thác đá Bình Lợi, Vĩnh Cửu	18.339.170.968	-	18.339.170.968	-
+ Chi phí dự án khai thác đá Dồi Chùa	1.505.635.780	-	1.505.635.780	-
+ Chi phí nhà văn phòng dự án khai thác đá Tân Cang 8	-	-	368.115.130	-
+ Chi phí xây dựng trạm Bê tông nhựa nóng Tân Cang 8	-	-	3.949.120.432	-
+ Chi phí xây dựng trạm Bê tông nhựa nóng QL91	-	-	651.916.417	-
+ Chi phí xây dựng cơ bản trạm xăng và trạm đăng kiểm	105.731.329.044	-	984.953.743	-
+ Chi phí xây dựng mỏ đá Xuân Hòa	1.295.738.901	-	-	-
+ Tuyển Quốc lộ 1A (đoạn tránh Tp. Biên Hòa).	-	-	187.910.785.676	-
+ Khu Tái định cư tại xã Bình Minh (d)	205.670.200.800	-	180.953.707.953	-
+ Khu Tái định cư tại xã Phước Tân (e)	168.692.840.371	-	124.406.326.720	-
+ Khu Dân cư tại xã Phước Tân.	853.513.796	-	853.513.796	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản dở dang dài hạn (tiếp theo)	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Xây dựng cơ bản				
+ Dự án đầu tư, nâng cấp Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang (f)	778.233.333.982	-	217.384.302.637	-
+ Chi phí xây dựng cơ bản khác	8.472.091.146	-	-	-
Cộng	1.298.245.569.457	-	737.513.349.252	-

(d) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho dự án Khu Tái định cư tại xã Bình Minh:

Theo Quyết định số 4352/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc dự án phát triển nhà ở Khu tái định cư dự án Quốc lộ 1A đoạn tránh thành phố Biên Hòa tại xã Bình Minh, huyện Trảng Bom thì tổng mức đầu tư dự kiến của dự án là 239.846.453.828 VND (tổng mức đầu tư này chưa bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian thi công, chi phí tư vấn tạm tính theo hợp đồng; Chi phí xây dựng không bao gồm chi phí xây dựng công viên).

(e) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho dự án Khu Tái định cư tại xã Phước Tân:

Theo Quyết định số 4353/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai về việc dự án phát triển nhà ở Khu tái định cư dự án Quốc lộ 1A đoạn tránh thành phố Biên Hòa tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa thì tổng mức đầu tư dự kiến của dự án là 402.142.433.721 VND (tổng mức đầu tư này chưa bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian thi công, chi phí tư vấn tạm tính theo hợp đồng).

(f) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BGTVT ngày 09/01/2014 của Bộ Giao Thông Vận Tải về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91 đoạn Km14+000 - Km50+889 theo hình thức Hợp đồng BOT; Hợp đồng số 61/HĐ.BOT-BGTVT ngày 24/10/2014 và Phụ lục hợp đồng số 19/PLHĐ.BOT-BGTVT, khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" cho dự án nêu trên sẽ được quyết toán bởi Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền dựa trên cơ sở Báo cáo kiểm toán xác định giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản ngay sau khi các công trình này hoàn thành. Thời gian và tiến độ thi công xây dựng cụ thể như sau: Giai đoạn 1: Cải tạo nâng cấp QL91 đoạn từ Km14 - Km50+889 khởi công năm 2014 về cơ bản đã hoàn thành và Giai đoạn 2: Mở rộng và tăng cường nền, mặt đường Quốc lộ 91B đoạn từ Km0 - Km15+793 từ tháng 6/2015 và dự kiến hoàn thành trước ngày 30/6/2016.

9. Tài sản cố định hữu hình (Xem trang 51)

10. Tài sản cố định vô hình	Quyền thu phí Quốc lộ 1	Quyền thu phí tỉnh lộ 16	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.003.607.181.536	83.670.838.182	1.238.000.000	1.088.516.019.718
Hình thành từ đầu tư	401.196.314.854	-	-	401.196.314.854
Số dư cuối năm	1.404.803.496.390	83.670.838.182	1.238.000.000	1.489.712.334.572
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	21.084.184.486	69.808.412.708	229.545.827	91.122.143.021
Khấu hao trong năm	48.800.064.231	8.603.077.632	61.899.996	57.465.041.859
Số dư cuối năm	69.884.248.717	78.411.490.340	291.445.823	148.587.184.880
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	982.522.997.050	13.862.425.474	1.008.454.173	997.393.876.697
Số dư cuối năm	1.334.919.247.673	5.259.347.842	946.554.177	1.341.125.149.692

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Nguyên giá Quyền thu phí tại trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1 được tạm xác định và sẽ được điều chỉnh lại ngay sau khi Công ty thực hiện quyết toán giá trị đầu tư của dự án này với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Công ty khấu hao Quyền thu phí giao thông tại trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với doanh thu thu phí trong kỳ (tương tự phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm) căn cứ văn bản số 9635/BTC-TCĐN ngày 15 tháng 07 năm 2015.

Công ty bắt đầu thu phí tại trạm thu phí Km 1841+912 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2014.

Công ty sử dụng Quyền thu phí tại trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1 và các lợi ích kinh tế khác mà Công ty có thể thu được từ Quyền thu phí này nhằm đảm bảo cho các khoản vay và nợ dài hạn theo Thuyết minh số V.12.

* Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.340.178.595.515 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

11. Chi phí trả trước	31/12/2015	01/01/2015
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	245.833.334	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	245.833.334	-
b. Chi phí trả trước dài hạn	115.938.021.857	111.047.551.318
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.021.266.672	2.289.546.648
Chi phí sửa chữa TSCĐ	12.385.084.076	2.962.280.180
Phần mềm giám sát hệ thống xe vận tải	5.208.339	67.708.335
Chi phí trùng tu mặt đường tỉnh lộ 16	11.433.372.496	17.966.728.216
Chi phí khai thác đá Phước Tân - Tân Cang 8	45.112.761.449	47.478.281.170
Văn phòng Trạm thu phí BOT tuyến tránh thành phố Biên Hòa	6.051.100.859	455.381.894
Chi phí mỏ đá Bình Lợi	130.669.000	130.669.000
Chi phí mỏ đá Đồi Chùa	38.096.973.554	38.293.785.051
Chi phí lãi mua trả chậm	701.585.412	1.403.170.824
Cộng	116.183.855.191	111.047.551.318

12. Phải trả người bán	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	138.792.411.069	138.792.411.069	104.238.472.250	104.238.472.250
Nhà cung cấp trong nước	117.716.519.309	117.716.519.309	104.238.472.250	104.238.472.250
Cty CP ĐT Việt Thuận Phát	12.606.190.109	12.606.190.109	18.297.750.431	18.297.750.431
Cty CP Công trình Giao thông Đồng Nai	13.439.468.408	13.439.468.408	3.668.550.968	3.668.550.968
Nhà cung cấp trong nước khác	91.670.860.792	91.670.860.792	82.272.170.851	82.272.170.851
Nhà cung cấp nước ngoài	21.075.891.760	21.075.891.760	-	-
Cty SPECO LTD	21.075.891.760	21.075.891.760	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Phải trả người bán (tiếp theo)		31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
b. Dài hạn	-	-	20.000.591.160	20.000.591.160	
Nhà cung cấp nước ngoài	-	-	20.000.591.160	20.000.591.160	
Cty SPECO LTD	-	-	20.000.591.160	20.000.591.160	
Cộng	138.792.411.069	138.792.411.069	124.239.063.410	124.239.063.410	
13. Người mua trả tiền trước			31/12/2015	01/01/2015	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			49.783.230.003	25.421.339.431	
Ban QLDA Giao Thông Tây Ninh			29.142.632.521	6.851.617.000	
Cty CP PT Đường Cao Tốc BH Vũng Tàu			9.952.047.468	9.952.047.468	
Khách hàng khác			10.688.550.014	8.617.674.963	
Cộng			49.783.230.003	25.421.339.431	
14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước					
a. Phải nộp	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015	
Thuế giá trị gia tăng	16.806.375.085	16.080.531.592	23.850.289.076	9.036.617.601	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.235.797.629	12.063.392.082	205.950.260	20.093.239.451	
Thuế thu nhập cá nhân	2.750.959.851	3.985.002.714	5.609.806.864	1.126.155.701	
Thuế tài nguyên	-	1.295.596.873	670.616.110	624.980.763	
Các loại thuế khác	461.064.412	2.300.955.651	2.007.489.095	754.530.968	
Cộng	28.254.196.977	35.725.478.912	32.344.151.405	31.635.524.484	
b. Phải thu	01/01/2015	Số phát sinh trong năm	Số đã khấu trừ trong năm	31/12/2015	
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	24.219.613.881	103.925.968.504	98.761.775.446	29.383.806.939	
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	27.139.271	-	27.139.271	
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	673.679.650	-	673.679.650	
Cộng	24.219.613.881	104.626.787.425	98.761.775.446	30.084.625.860	
15. Chi phí phải trả			31/12/2015	01/01/2015	
a. Ngắn hạn			95.038.943.236	43.974.171.956	
Chi phí lãi vay			1.557.303.810	2.972.429.085	
Chi phí trích trước các công trình QL91 Cần Thơ - An Giang			4.535.506.316	-	
Chi phí đầu tư tuyến tránh thành phố Biên Hòa			83.842.648.911	34.453.561.260	
Chi phí khu tái định cư Bình Minh và Phước Tân			3.669.637.955	5.532.041.486	
Các khoản trích trước khác			1.433.846.244	1.016.140.125	
Cộng			95.038.943.236	43.974.171.956	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Phải trả khác	31/12/2015		01/01/2015	
a. Ngắn hạn				
Kinh phí công đoàn	409.123.177		111.566.802	
Bảo hiểm xã hội	-		156.313.505	
Bảo hiểm y tế	-		57.640.758	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	82.307.445		3.657.360.000	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	36.345.261.758		29.806.448.774	
<i>Trong đó:</i>				
+ <i>Mượn tiền bà Trương Hồng Loan</i>	-		8.246.672.992	
+ <i>Phải trả Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>	12.028.000.000		12.028.000.000	
+ <i>Các khoản phải trả khác</i>	24.317.261.758		9.531.775.782	
Cộng	36.836.692.380		33.789.335.059	
17. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	391.257.012.774	391.257.012.774	498.248.844.288	498.248.844.288
Ngân hàng Công thương Nhơn Trạch (g)	182.788.500.801	182.788.500.801	179.823.983.592	179.823.983.592
Ngân hàng Vietcombank - chi nhánh Đồng Nai (h)	29.910.453.755	29.910.453.755	28.741.366.660	28.741.366.660
Nguồn tạm ứng từ kho bạc nhà nước trung ương (i)	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	118.558.058.218	118.558.058.218	229.683.494.036	229.683.494.036
b. Vay dài hạn	1.918.581.345.598	1.918.581.345.598	1.228.776.438.613	1.228.776.438.613
Ngân hàng Công thương Nhơn Trạch (g)	1.672.432.909.725	1.672.432.909.725	995.977.984.462	995.977.984.462
Ngân hàng Vietcombank - chi nhánh Đồng Nai (h)	9.204.500.000	9.204.500.000	18.352.000.000	18.352.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà nội (k)	-	-	209.788.689.278	209.788.689.278
Ngân hàng Công thương KCN Biên Hòa	767.760.000	767.760.000	767.760.000	767.760.000
Ứng vốn ngân sách dự án khu tái định cư (i)	234.183.000.000	234.183.000.000	-	-
Bà Trương Hồng Loan	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cty CPĐT Sài Gòn VRG	993.175.873	993.175.873	2.890.004.873	2.890.004.873
Cộng	2.309.838.358.372	2.309.838.358.372	1.727.025.282.901	1.727.025.282.901

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

(g) Thuyết minh các khoản nợ vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Nhơn Trạch

Công ty vay ngắn hạn Ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch theo hợp đồng tín dụng số 15.21.00028/2015-HĐTDHM/NHCT681-CT IDICO, ngày 07/08/2015, hạn mức tín dụng 183 tỷ, hạn mức tín dụng này bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 14.08.0011/2014/HĐTDHM/NHCT681-CT IDICO ngày 01/07/2014, với thời hạn cho vay cụ thể mỗi lần giải ngân tối đa 09 tháng. Lãi suất bằng tổng lãi suất cơ sở + biên độ 4,50%/năm. Biện pháp bảo đảm là các tài sản thế chấp được qui định cụ thể trong các hợp đồng bảo đảm được ký kết giữa công ty và Ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch.

Công ty vay dài hạn từ Ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch, của 03 hợp đồng vay gồm HĐ 23070703/HĐTD ngày 21/6/2011, HĐ 13070761/HĐTD ngày 22/9/2011, HĐ 13070812/HĐTD ngày 21/3/2012, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + biên độ 3,5% (không quá 15%/năm). Tài sản thế chấp là các tài sản hình thành từ nguồn vay.

Công ty CP Đầu Tư Đồng Thuận vay từ Ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch, của 03 hợp đồng vay, 01 hợp đồng với lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng (cuối kỳ) + biên độ 4,5%/năm (không quá 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam + biên độ 2%/năm); 01 hợp đồng với lãi suất tiết kiệm 06 tháng trả lãi sau + biên độ 4,5%/năm và 01 hợp đồng với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm + biên độ 5%/năm. Tài sản thế chấp là Quyền thu phí phát sinh từ Hợp đồng BOT - tuyến tránh Quốc lộ 1A, nguồn thu phát sinh từ phần bàn giao lại cho địa phương thuộc dự án đầu tư Khu tái định cư xã Bình Minh, huyện Trảng Bom và phần bàn giao lại cho Thành phố thuộc Khu tái định cư tại xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa theo các Quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai.

Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang vay dài hạn Ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch theo hợp đồng tín dụng số 15.20.0012/2015-HĐTDDA/NHCT681-QL91 với lãi suất 9%/năm trong thời hạn 15 năm 02 tháng. Tài sản thế chấp là quyền thu phí, máy móc thiết bị và tài sản hình thành từ khoản vay.

(h) Thuyết minh các khoản nợ vay Ngân hàng Vietcombank - chi nhánh Đồng Nai

Công ty vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đồng Nai theo hợp đồng vay số 2015018/HM3/KHDN, ngày 16/06/2015 theo hợp đồng nguyên tắc số 2012043/KHDN/NHNT ngày 01/08/2012, hạn mức tín dụng 30 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, với thời hạn cho vay cụ thể mỗi lần giải ngân từ 10 tháng. Lãi suất được qui định theo từng lần nhận nợ, lãi suất được điều chỉnh định kỳ hàng quý tại ngày đầu quý. Hợp đồng bảo đảm là hợp đồng thế chấp quyền thu phí số 2012023/HĐTC/NHNT ngày 01/08/2012, hợp đồng thế chấp tài sản số 015/2013/VCB Đồng Nai ngày 28/6/2013, hợp đồng thế chấp tài sản số 2013017/HĐBĐ/NHNT ngày 11/7/2013 và các hợp đồng thế chấp, cầm cố đã, đang và sẽ được ký kết giữa Công ty và ngân hàng.

Công ty vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- chi nhánh Đồng Nai của 03 hợp đồng vay, gồm HĐ số 2023073/DA/KHDN ngày 23/12/2013, HĐ 2013029/DA/ KHDN ngày 12/7/2013, HĐ 2013018/DA/KHDN ngày 13/06/2013, Lãi suất được qui định theo theo từng giấy nhận nợ, được điều chỉnh theo thị trường tại ngày đầu tiên của mỗi quý. Tài sản thế chấp là quyền thu phí, máy móc thiết bị và tài sản hình thành từ khoản vay.

(h) Thuyết minh các khoản ứng vốn ngân sách dự án khu tái định cư

Khoản tạm ứng của Sở Tài chính từ Nguồn Kho bạc Nhà nước Trung ương theo Hợp đồng Tạm ứng số 2889/HĐ-STC ngày 21/8/2012 với số tiền 60.000.000.000 VND và khoản ứng vốn ngân sách theo các văn bản số 438/UBND-ĐT ngày 19/01/2015, văn bản số 3768/TB-UBND ngày 22/5/2015 và văn bản số 9987/TB-UBND ngày 30/11/2015 của UBND Tỉnh Đồng Nai với số tiền 234.183.000.000 VND Mục đích sử dụng tiền tạm ứng là để thực hiện dự án hạ tầng khu tái định cư tại xã Bình Minh, huyện Trảng Bom và tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa.

(k) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Đồng Nai đã tất toán trước hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn		31/12/2015	01/01/2015
Phí duy tu, trùng tu, bảo dưỡng thường xuyên		-	2.110.945.212
Cộng		-	2.110.945.212
19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		31/12/2015	01/01/2015
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		1.453.586.143	1.375.013.918
Cộng		1.453.586.143	1.375.013.918
20. Vốn chủ sở hữu			
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (Xem trang 52)			
b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2015	01/01/2015
Vốn góp của Nhà nước (Tổng công ty IDICO)	2,12%	7.000.000.000	7.000.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	97,88%	322.999.970.000	322.999.970.000
Cộng	100,00%	329.999.970.000	329.999.970.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Năm 2015	Năm 2014
Vốn góp của chủ sở hữu		329.999.970.000	329.999.970.000
Vốn góp đầu năm		329.999.970.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		-	179.999.970.000
Vốn góp cuối năm		329.999.970.000	329.999.970.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		32.999.997.000	3.914.773.615
d. Cổ tức		Năm 2015	Năm 2014
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ			
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường		Chưa công bố	10,00%
đ. Cổ phiếu		31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		329.999.970.000	329.999.970.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		329.999.970.000	329.999.970.000
Cổ phiếu phổ thông		329.999.970.000	329.999.970.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		329.999.970.000	329.999.970.000
Cổ phiếu phổ thông		329.999.970.000	329.999.970.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.		10.000	10.000
e. Các quỹ của doanh nghiệp		31/12/2015	01/01/2015
Quỹ đầu tư phát triển		13.256.026.142	10.710.174.356
Nguồn vốn đầu tư XDCB		11.120.427	11.120.427
Cộng		13.267.146.569	10.721.294.783

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		01/01/2015	
	Nguyên tệ	Giá trị (VND)	Nguyên tệ	Giá trị (VND)
USD	\$	-	\$	89,22
EUR	€	-	€	81,03
Cộng		-		4.013.737

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2015

Năm 2014

a. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa	18.617.896.727	-
Doanh thu bán thành phẩm công các loại	59.805.621.801	37.596.046.084
Doanh thu bán thành phẩm đá và dịch vụ mỏ đá	34.548.839.640	23.683.126.220
Doanh thu cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp	479.087.701.620	531.229.392.804
Doanh thu thu phí tỉnh lộ 16	43.745.325.455	31.330.930.909
Doanh thu thu phí giao thông trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1	193.887.910.911	98.460.687.272
Cộng	829.693.296.154	722.300.183.289

b. Doanh thu đối với các bên liên quan

Năm 2015

Năm 2014

Cty CP ĐT Việt Thuận Phát	167.902.722	838.818.935
Cộng	167.902.722	838.818.935

2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2015

Năm 2014

Doanh thu thuần bán hàng hóa	18.617.896.727	-
Doanh thu thuần bán thành phẩm công các loại	59.805.621.801	37.596.046.084
Doanh thu thuần bán thành phẩm đá và dịch vụ mỏ đá	34.548.839.640	23.683.126.220
Doanh thu thuần cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp	479.087.701.620	531.229.392.804
Doanh thu thuần thu phí tỉnh lộ 16	43.745.325.455	31.330.930.909
Doanh thu thu phí giao thông trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1	193.887.910.911	98.460.687.272
Cộng	829.693.296.154	722.300.183.289

3. Giá vốn hàng bán

Năm 2015

Năm 2014

Giá vốn bán hàng hóa	17.590.183.617	-
Giá vốn bán công các loại	53.735.145.783	37.025.436.406
Giá vốn bán thành phẩm đá và dịch vụ mỏ đá	35.457.818.514	23.873.311.752
Giá vốn cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp	401.046.367.015	443.554.952.956
Giá vốn hoạt động thu phí tỉnh lộ 16	18.506.725.411	14.286.163.310
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông trạm thu phí Km1841+912 Quốc lộ 1	48.800.064.231	19.716.330.969
Cộng	575.136.304.571	538.456.195.393

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2015	Năm 2014
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	862.300.568	503.732.568
Cổ tức, lợi nhuận được chia	970.500.000	575.498.295
Lãi chênh lệch tỷ giá	89.804.280	196.147.376
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	4.322.754
Cộng	1.922.604.848	1.279.700.993
5. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	111.170.203.368	71.671.507.730
Phí bảo tồn vốn tự có tính lộ 16	2.008.100.116	2.008.100.116
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.075.328.622	141.443.865
Lãi chậm thanh toán bảo hiểm công trình	701.585.412	-
Chi phí tài chính khác	3.883.206	-
Cộng	114.959.100.724	73.821.051.711
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	1.734.316.966	5.570.438.886
Chi phí vật liệu, bao bì	432.823.341	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	137.499.996	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.400.000	137.499.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.132.761.393	-
Chi phí bằng tiền khác	1.099.628.693	1.559.200.879
Các khoản chi phí bán hàng khác	-	488.950.741
Cộng	10.566.430.389	7.756.090.502
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	21.486.950.881	22.689.524.459
Chi phí vật liệu, bao bì	110.376.512	257.870.127
Chi phí đồ dùng văn phòng	658.656.432	661.345.966
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.501.674.739	1.152.365.493
Thuế, phí, lệ phí	726.735.082	26.601.656
Dự phòng phải thu khó đòi	512.998.610	956.179.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.478.964.400	14.705.226.046
Chi phí bằng tiền khác	10.988.679.083	5.485.256.623
Cộng	50.465.035.739	45.934.370.112
7. Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.047.727.272	-
Hoàn phí bảo tồn vốn tính lộ 16	2.008.100.116	2.008.100.116
Các khoản khác	611.026.407	449.746.766
Cộng	5.666.853.795	2.457.846.882

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Chi phí khác	Năm 2015	Năm 2014
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	1.438.706.023
Các khoản khác	182.365.045	281.623.598
Cộng	182.365.045	1.720.329.621
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	420.891.335.759	436.891.075.410
Chi phí nhân công	124.587.734.958	78.338.819.904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.171.354.171	40.834.804.526
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.817.908.037	38.280.228.000
Chi phí khác bằng tiền	129.510.917.482	60.644.964.898
Cộng	783.979.250.407	654.989.892.738
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm 2015	Năm 2014
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	78.572.224	2.125.702.492
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	78.572.224	2.125.702.492
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	67.982.094.974	49.486.261.862
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(3.546.445.473)	(2.471.101.787)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.086.144.396)	(1.140.508.517)
- Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	(1.460.301.077)	(1.330.593.270)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	64.435.649.501	47.015.160.075
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.999.997	16.331.507
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.953	2.879
12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	64.435.649.501	47.015.160.075
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	64.435.649.501	47.015.160.075
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.999.997	16.331.507
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	32.999.997	16.331.507
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.953	2.879
13. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính		
Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản		
Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:		
13.1 Rủi ro thị trường		
Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Tập đoàn đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản tiền gửi và khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

	Tăng/giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
VND	+100	(11.948.754.842)
VND	-100	11.948.754.842
Năm trước		
VND	+100	(10.539.708.487)
VND	-100	10.539.708.487
USD	+100	9.552
USD	-100	(9.552)
EUR	+100	(11.273.423)
EUR	-100	11.273.423

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt, TGNH và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD, EUR. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Tập đoàn là không đáng kể.

	Thay đổi tỷ giá USD	Anh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay	+1.0%	(210.758.918)
	-1.0%	210.758.918
Năm trước	+1.0%	(233.580.215)
	-1.0%	233.580.215

13.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt Tập đoàn thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu khách hàng quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Dưới 90 ngày	56.472.047.495	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	10.613.029.321
Tổng cộng giá trị ghi sổ	56.472.047.495	-	-	10.613.029.321
Dự phòng giảm giá trị				(8.903.675.168)
Giá trị thuần	56.472.047.495	-	-	1.709.354.153
Ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Dưới 90 ngày	24.270.406.450	-	-	-
>181 ngày	-	-	17.711.447.942	16.804.813.728
Tổng cộng giá trị ghi sổ	24.270.406.450	-	17.711.447.942	16.804.813.728
Dự phòng giảm giá trị			-	(9.116.560.345)
Giá trị thuần	24.270.406.450	-	17.711.447.942	7.688.253.383

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	391.257.012.774	941.737.831.272	976.843.514.326	2.309.838.358.372
Phải trả người bán	138.792.411.069	-	-	138.792.411.069
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	16.698.352.893	-	-	16.698.352.893
Cộng	546.747.776.736	941.737.831.272	976.843.514.326	2.465.329.122.334
Ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Các khoản vay và nợ	498.248.844.288	620.069.772.318	608.706.666.295	1.727.025.282.901
Phải trả người bán	104.238.472.250	20.000.591.160	-	124.239.063.410
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	18.381.975.059	-	-	18.381.975.059
Cộng	620.869.291.597	640.070.363.478	608.706.666.295	1.869.646.321.370

Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay, nợ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng sẽ được trả đúng hạn.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã sử dụng phần lớn quyền sở hữu máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và quyền thu phí phát sinh từ các Hợp đồng BOT số 29/HĐ.BOT-CĐBVN ngày 18/12/2009; Hợp đồng BOT số 61/HĐ.BOT-BGTVT ngày 24/10/2014 làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.17 - Vay và nợ thuê tài chính). Ngân hàng có trách nhiệm trả lại các tài sản thế chấp cho Tập đoàn. Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

Tập đoàn không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem trang 53)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: không có.
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không có.
3. Mua và thanh lý công ty con trong kỳ báo cáo: không có.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có.
2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Trong quý 1 năm 2016, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO đang lập hồ sơ nhận chuyển nhượng quyền khai thác mỏ đá Tân Cang 8 tại xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát	Công ty liên kết	Trả trước tiền thi công công trình Quốc lộ 51	-	1.384.608.700
		Công ty cho mượn tiền	3.000.000.000	6.007.846.575
		Công ty phải thu tiền cổ tức	682.500.000	682.500.000
		Phải trả tiền thi công các gói thầu Công trình QL51	-	(12.606.190.109)
Bà Trương Hồng Loan	Thành viên HĐQT Phó TGD	Công ty trả trước tiền mua đất	-	16.408.000.000
		Công ty vay tiền	-	(1.000.000.000)
Bà Phạm Mai Thu	Phó TGD Kế toán trưởng	Công ty trả trước tiền mua đất	-	3.457.300.000
+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			Năm 2015	Năm 2014
Hội đồng quản trị		Thù lao và thưởng	1.948.860.608	1.579.116.655
Ban Tổng Giám đốc		Lương và thưởng	5.372.013.364	3.915.800.000
Cộng			7.320.873.972	5.494.916.655

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Tập đoàn chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Tập đoàn cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Tập đoàn là theo lĩnh vực kinh doanh.

4.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh niên độ 2015

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Bộ phận thu phí, bộ phận sản xuất bê tông nhựa nóng, sản xuất cống - gổì cống, khai thác gia công đá các loại, dịch vụ xây lắp, bộ phận kinh doanh xăng dầu và các dịch vụ khác. Tập đoàn phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận.

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Bộ phận trạm thu phí tỉnh lộ 16	43.745.325.455	18.506.725.411	25.238.600.044
Bộ phận sản xuất bê tông nhựa nóng	44.525.252.868	24.179.902.735	20.345.350.133
Bộ phận sản xuất cống, gổì cống	59.805.621.801	53.735.145.783	6.070.476.018
Bộ phận khai thác, gia công đá các loại	34.548.839.640	35.143.529.618	(594.689.978)
Bộ phận công trình xây lắp	428.230.587.970	373.673.904.387	54.556.683.583
Bộ phận cung cấp hàng hoá và dịch vụ khác	6.331.860.782	3.506.848.789	2.825.011.993
Bộ phận thu phí trạm thu phí Quốc lộ 1	193.887.910.911	48.800.064.231	145.087.846.680
Bộ phận kinh doanh xăng dầu	18.617.896.727	17.590.183.617	1.027.713.110
Cộng	829.693.296.154	575.136.304.571	254.556.991.583

b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh niên độ 2014

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Bộ phận thu phí, bộ phận sản xuất bê tông nhựa nóng, sản xuất cống - gổì cống, khai thác gia công đá các loại, dịch vụ xây lắp, và các dịch vụ khác. Tập đoàn phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận.

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Bộ phận trạm thu phí tỉnh lộ 16	31.330.930.909	14.286.163.310	17.044.767.599
Bộ phận sản xuất bê tông nhựa nóng	6.733.537.398	3.447.619.175	3.285.918.223
Bộ phận sản xuất cống, gổì cống	37.596.046.084	37.025.436.406	570.609.678
Bộ phận khai thác, gia công đá các loại	23.683.126.220	23.873.311.752	(190.185.532)
Bộ phận công trình xây lắp	506.004.066.120	436.445.006.194	69.559.059.926
Bộ phận cung cấp hàng hoá và dịch vụ khác	18.491.789.286	3.662.327.587	14.829.461.699
Bộ phận thu phí trạm thu phí Quốc lộ 1	98.460.687.272	19.716.330.969	78.744.356.303
Cộng	722.300.183.289	538.456.195.393	183.843.987.896

4.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Tập đoàn có xưởng sản xuất và các trạm thu phí tọa lạc trên cùng địa bàn là tỉnh Đồng Nai, hạch toán phụ thuộc, hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm dịch vụ chỉ tập trung ở tỉnh Đồng Nai và các tỉnh lân cận. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn nhận thấy không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý. Vì vậy, Tập đoàn không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

5. Thay đổi chính sách kế toán

a. Tên chính sách kế toán

Nguyên tắc điều chỉnh và loại trừ ảnh hưởng của giao dịch chuyển hàng tồn kho thành tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn trong trường hợp công ty mẹ xây dựng và chuyển giao tài sản (doanh thu xây lắp) công trình cho công ty con là doanh nghiệp BOT và công ty con thực hiện thu phí hoàn vốn (doanh thu thu phí).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Thay đổi chính sách kế toán (tiếp theo)

b. Hướng dẫn chuyển đổi chính sách kế toán

Ngày 26 tháng 8 năm 2015, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 11780/BTC-TCĐN có ý kiến về vướng mắc khi hợp nhất báo cáo tài chính đối với doanh thu hoạt động xây lắp của công ty mẹ là nhà đầu tư, nhà thầu và công ty con là doanh nghiệp dự án BOT trong trường hợp của Công ty như sau:

Căn cứ các quy định tại Điều 74 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán doanh nghiệp; Điều 27 Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính quy định về hợp nhất báo cáo tài chính của các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; Điều 13 Thông tư số 166/2011/TT-BTC ngày 17/11/2011 của Bộ Tài chính quy định lợi nhuận của Nhà đầu tư thì giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ doanh nghiệp phải được loại trừ trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và không có quy định loại trừ doanh thu đối với dự án BOT khi lập báo cáo tài chính hợp nhất đối với công ty mẹ. Đối chiếu với quy định về giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ tập đoàn thì Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO có tính đặc thù là công ty mẹ xây dựng và chuyển giao tài sản (doanh thu xây lắp) công trình cho công ty con là doanh nghiệp BOT và công ty con thực hiện thu phí hoàn vốn (doanh thu thu phí).

Việc coi giá trị xây lắp của Công ty thực hiện và chuyển giao (doanh thu xây lắp) cho Công ty con là doanh nghiệp dự án BOT thực hiện thu phí hoàn vốn tương tự hàng hóa tạo tài sản cố định như đối với các doanh nghiệp thông thường khác để loại trừ doanh thu, lợi nhuận sau thuế khi lập báo cáo tài chính hợp nhất với công ty mẹ là chưa phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp đầu tư vào dự án BOT. Hơn nữa, theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp thì Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO và Công ty con phải thực hiện hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh và thực hiện kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng pháp nhân.

Vì vậy, Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc loại trừ các yếu tố trùng lặp trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con nhưng không ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận sau thuế của giá trị xây lắp các dự án BOT do Công ty thực hiện để đảm bảo lợi ích của các cổ đông và phát huy được chính sách khuyến khích thu hút đầu tư kết cấu hạ tầng quốc gia bằng nguồn vốn xã hội hóa.

c. Bản chất của sự thay đổi chính sách kế toán

Tập đoàn thực hiện lập báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc loại trừ các yếu tố trùng lặp trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con nhưng không ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận sau thuế của giá trị xây lắp các dự án BOT do Công ty mẹ thực hiện trong trường hợp có tính đặc thù là công ty mẹ xây dựng và chuyển giao tài sản (doanh thu xây lắp) công trình cho công ty con là doanh nghiệp BOT và công ty con thực hiện thu phí hoàn vốn (doanh thu thu phí) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và áp dụng hồi tố các ảnh hưởng lũy kế của các năm trước cho đến kỳ hiện tại kể từ ngày phát sinh giao dịch lần đầu tiên.

d. Biến động vốn chủ sở hữu

Tập đoàn trình bày biến động vốn chủ sở hữu sau khi thực hiện thay đổi chính sách kế toán như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	01/01/2014	31/12/2014	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	411	150.000.000.000	329.999.970.000	329.999.970.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	10.194.388.098	9.550.139.279	9.550.139.279
Quỹ đầu tư phát triển	418	12.684.489.586	10.710.174.356	13.256.026.142
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18.893.325.850	50.101.368.583	80.045.782.089
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	11.120.427	11.120.427	11.120.427
Cộng		191.783.323.961	400.372.772.645	432.863.037.937

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Thay đổi chính sách kế toán (tiếp theo)

e. Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán

Doanh thu, lợi nhuận sau thuế của giá trị xây lắp các dự án BOT do Tập đoàn thực hiện trong các kỳ kế tiếp sẽ không phải loại trừ và được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh.

Số liệu trước điều chỉnh

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2012
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	391.547.318.731	360.635.447.847	300.576.912.009
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	391.547.318.731	360.607.463.447	300.314.701.274
Giá vốn hàng bán	11	250.301.254.418	298.855.311.487	243.715.090.206
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	16.490.301.258	2.051.374.743	1.734.195.096
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(7.229.334.599)	(6.897.797.256)	(1.888.931.738)
Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ	61	16.243.375.370	2.319.627.871	1.242.813.249
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	995	155	83
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	995	155	83
Trên bảng cân đối kế toán hợp nhất			31/12/2014	01/01/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			1.925.652.076.413	1.230.484.914.175
Tài sản cố định vô hình	227		933.651.902.778	23.535.857.275
- Nguyên giá	228		1.023.406.192.282	84.908.838.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(89.754.289.504)	(61.372.980.907)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		737.513.349.252	960.623.266.726
Tài sản thuế TN hoãn lại	262		16.016.063.593	8.786.728.994
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			2.495.329.218.923	1.745.311.984.837
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU			351.271.848.400	175.925.286.209
Vốn góp của chủ sở hữu	411		329.999.970.000	150.000.000.000
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.000.444.338	3.035.288.098
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			2.495.329.218.923	1.745.311.984.837

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Thay đổi chính sách kế toán (tiếp theo)

e.2. Ảnh hưởng của thay đổi chính sách kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	Ảnh hưởng tăng/(giảm)		
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		Năm 2014	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	330.752.864.558	196.162.219.477	26.403.965.568
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	330.752.864.558	196.162.219.477	26.403.965.568
Giá vốn hàng bán	11	288.154.940.975	176.602.407.076	24.819.727.633
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	42.597.923.583	19.559.812.401	1.584.237.935
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	9.355.037.091	4.889.953.100	396.059.484
Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ	61	33.242.886.492	14.669.859.301	1.188.178.452
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.884	978	79
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.884	978	79
Trên bảng cân đối kế toán hợp nhất			31/12/2014	01/01/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			49.100.924.244	15.858.037.752
Tài sản cố định vô hình	227		63.741.973.919	-
- Nguyên giá	228		65.109.827.436	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.367.853.517)	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	21.144.050.336
Tài sản thuế TN hoãn lại	262		(14.641.049.675)	(5.286.012.584)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			49.100.924.244	15.858.037.752
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU			199.567.237.947	15.858.037.752
Vốn góp của chủ sở hữu	411		-	-
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		49.100.924.244	15.858.037.752
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			49.100.924.244	15.858.037.752

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Thay đổi chính sách kế toán (tiếp theo)

e.3. Số liệu sau điều chỉnh

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2012
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	722.300.183.289	556.797.667.324	326.980.877.577
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	722.300.183.289	556.769.682.924	326.718.666.842
Giá vốn hàng bán	11	538.456.195.393	475.457.718.563	268.534.817.839
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	59.088.224.841	21.611.187.144	3.318.433.031
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	2.125.702.492	(2.007.844.156)	(1.492.872.255)
Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ	61	49.486.261.862	16.989.487.172	2.430.991.701
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.879	1.133	162
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.879	1.133	162
Trên bảng cân đối kế toán hợp nhất			31/12/2014	01/01/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			1.974.753.000.657	1.246.342.951.927
Tài sản cố định vô hình	227		997.393.876.697	23.535.857.275
- Nguyên giá	228		1.088.516.019.718	84.908.838.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(91.122.143.021)	(61.372.980.907)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		737.513.349.252	981.767.317.062
Tài sản thuế TN hoãn lại	262		1.375.013.918	3.500.716.410
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			2.544.430.143.167	1.761.170.022.589
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU			550.839.086.348	191.783.323.961
Vốn góp của chủ sở hữu	411		329.999.970.000	150.000.000.000
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		50.101.368.583	18.893.325.850
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			2.544.430.143.167	1.761.170.022.589

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Thông tin so sánh

Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện việc phân loại và trình bày lại một số chỉ tiêu đầu kỳ trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và số liệu so sánh cho phù hợp với hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện hành và các chính sách kế toán đã được thay đổi.

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2014	Chênh lệch (5)=(4)-(3)
		Số đã trình bày (3)	Số trình bày lại (4)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	391.547.318.731	722.300.183.289	330.752.864.558
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	391.547.318.731	722.300.183.289	330.752.864.558
Giá vốn hàng bán	11	250.301.254.418	538.456.195.393	288.154.940.975
Thu nhập khác	31	3.548.755.973	2.457.846.882	(1.090.909.091)
Chi phí khác	32	2.811.238.712	1.720.329.621	(1.090.909.091)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	16.490.301.258	59.088.224.841	42.597.923.583
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(7.229.334.599)	2.125.702.492	9.355.037.091
Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ	61	16.243.375.370	49.486.261.862	33.242.886.492
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	995	2.879	1.884
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	995	2.879	1.884
Trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
Lợi nhuận trước thuế	01	16.490.301.258	59.088.224.841	42.597.923.583
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	57.000.495.092	55.632.641.575	(1.367.853.517)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	(93.238.728.082)	(102.593.765.173)	(9.355.037.091)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(169.573.007.729)	(194.008.839.745)	(24.435.832.015)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(651.287.688.822)	(658.726.889.782)	(7.439.200.960)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Thông tin so sánh (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	01/01/2015 Số đã trình bày	01/01/2015 Số trình bày lại	Chênh lệch (5)=(4)-(3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Trên bảng cân đối kế toán hợp nhất				
TÀI SẢN				
Phải thu ngắn hạn khác	136	12.187.599.286	16.498.840.849	4.311.241.563
Tài sản ngắn hạn khác	155	4.311.241.563	-	(4.311.241.563)
Phải thu dài hạn khác	216	-	1.544.500.000	1.544.500.000
Tài sản cố định vô hình	227	933.651.902.778	997.393.876.697	63.741.973.919
- Nguyên giá	228	1.023.406.192.282	1.088.516.019.718	65.109.827.436
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(89.754.289.504)	(91.122.143.021)	(1.367.853.517)
Chi phí xây dựng CBDD	242	737.513.349.252	737.513.349.252	-
Tài sản thuế TN hoãn lại	262	16.016.063.593	1.375.013.918	(14.641.049.675)
Tài sản dài hạn khác	268	1.544.500.000	-	(1.544.500.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.495.329.218.923	2.544.430.143.167	49.100.924.244
NỢ PHẢI TRẢ				
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	46.085.117.168	43.974.171.956	(2.110.945.212)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	2.110.945.212	2.110.945.212
VỐN CHỦ SỞ HỮU				
Quỹ dự phòng tài chính		9.573.337.043	-	(9.573.337.043)
Quỹ đầu tư phát triển	418	1.136.837.313	10.710.174.356	9.573.337.043
LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a	1.000.444.338	50.101.368.583	49.100.924.244
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.495.329.218.923	2.544.430.143.167	49.100.924.244

7. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Hồng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Mai Thu

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Quang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	9.514.740.661	165.634.977.232	60.710.482.067	3.110.445.327	44.257.571.248	283.228.216.535
Mua trong năm	-	14.236.709.092	7.102.063.635	-	-	21.338.772.727
ĐT XDCB h. thành	5.392.478.182	-	-	-	-	5.392.478.182
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.664.761.904)	-	-	-	(4.664.761.904)
Số dư cuối năm	14.907.218.843	175.206.924.420	67.812.545.702	3.110.445.327	44.257.571.248	305.294.705.540
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	5.208.591.646	99.904.863.699	32.897.952.637	1.510.299.375	27.980.055.694	167.501.763.051
Khấu hao trong năm	663.331.927	17.262.913.237	7.270.013.143	515.796.672	4.003.826.424	29.715.881.403
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.664.761.904)	-	-	-	(4.664.761.904)
Số dư cuối năm	5.871.923.573	112.503.015.032	40.167.965.780	2.026.096.047	31.983.882.118	192.552.882.550
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	4.306.149.015	65.730.113.533	27.812.529.430	1.600.145.952	16.277.515.554	115.726.453.484
Số dư cuối năm	9.035.295.270	62.703.909.388	27.644.579.922	1.084.349.280	12.273.689.130	112.741.822.990

- * Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 106.251.784.613 VND.
- * Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 68.369.882.403 VND.
- * Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: không có.
- * Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.
- * Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	10.194.388.098	12.684.489.586	11.120.427	18.893.325.850	191.783.323.961
Tăng vốn	179.999.970.000	(1.731.670.000)	(4.247.989.856)	-	(9.020.310.144)	165.000.000.000
Lợi nhuận	-	-	-	-	49.486.261.862	49.486.261.862
Tăng do hợp nhất	-	1.282.421.181	-	-	-	1.282.421.181
Trích lập quỹ	-	-	2.273.674.626	-	(2.273.674.626)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.273.674.625)	(2.273.674.625)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.914.773.615)	(3.914.773.615)
Giảm khác	-	(195.000.000)	-	-	(795.786.119)	(990.786.119)
Số dư cuối năm trước	329.999.970.000	9.550.139.279	10.710.174.356	11.120.427	50.101.368.583	400.372.772.645
Số dư đầu năm nay	329.999.970.000	9.550.139.279	10.710.174.356	11.120.427	50.101.368.583	400.372.772.645
Lợi nhuận	-	-	-	-	67.982.094.974	67.982.094.974
Trích lập quỹ	-	-	2.545.851.786	-	(2.545.851.786)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.140.508.517)	(1.140.508.517)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(32.999.997.000)	(32.999.997.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.351.324.165)	(1.351.324.165)
Số dư cuối năm nay	329.999.970.000	9.550.139.279	13.256.026.142	11.120.427	80.045.782.089	432.863.037.937

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tập đoàn.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2015		31/12/2014		31/12/2015	31/12/2014
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	47.000.000.000	-	6.000.000.000	-	47.000.000.000	6.000.000.000
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	2.400.000.000	-	-	2.400.000.000
- Phải thu khách hàng	67.085.076.816	(8.903.675.168)	58.786.668.120	(9.116.560.345)	58.181.401.648	49.670.107.775
- Phải thu khác	13.814.030.480	(1.070.020.011)	8.705.869.340	-	12.744.010.469	8.705.869.340
- Tiền và các khoản tương đương tiền	110.381.267.823	-	179.071.287.723	-	110.381.267.823	179.071.287.723
- Tài sản tài chính khác	2.528.934.975	-	1.147.941.268	-	2.528.934.975	1.147.941.268
TỔNG CỘNG	240.809.310.094	(9.973.695.179)	256.111.766.451	(9.116.560.345)	230.835.614.915	246.995.206.106
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	2.309.838.358.372	-	1.727.025.282.901	-	2.309.838.358.372	1.727.025.282.901
- Phải trả người bán	138.792.411.069	-	124.239.063.410	-	138.792.411.069	124.239.063.410
- Phải trả khác	16.698.352.893	-	18.103.975.059	-	16.698.352.893	18.103.975.059
- Nợ phải trả tài chính khác	-	-	278.000.000	-	-	278.000.000
TỔNG CỘNG	2.465.329.122.334	-	1.869.646.321.370	-	2.465.329.122.334	1.869.646.321.370

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CƯỜNG THUẬN IDICO
ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



Nguyễn Xuân Quang